

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN
ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN
MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN.
MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP**

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ



PP.PHARCO

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301427564 ngày 20 tháng 08 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu, thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 02 năm 2011)*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

*(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số . . . /GCN-SGDHN
do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng . . . năm 2011)*

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

- | | |
|--|------------------------------|
| 1. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ | Điện thoại: (84-8) 3855 0908 |
| Trụ sở: 30-32 đường Phong Phú, phường 12, Quận 8, Tp.HCM | Fax: (84-8) 3854 8334 |
| 2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV | Điện thoại: (84-4) 3941 0246 |
| Trụ sở: Số 14 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | Fax: (84-4) 3941 0248 |
| 3. CHI NHÁNH CTCP CHỨNG KHOÁN WOORI CBV | Điện thoại: (84-8) 3821 1865 |
| 225 Bến Chương Dương, Phường Cô Giang, Quận 1, Tp. HCM | Fax: (84-8) 3920 4349 |

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: **Hồ Vinh Hiển** Chức vụ: **Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**
Điện thoại: (84-8) 3855 0908



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301427564 ngày 20 tháng 08 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu, thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 02 năm 2011)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	2.335.500 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	23.355.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3820 5944

Fax: (84-8) 3820 5942

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV - WOORI CBV

▪ Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 14 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4) 39410246

Fax: (84 - 4) 39410248

Website: www.wooricbv.com

▪ Chi nhánh Tp. HCM:

Địa chỉ: 225 Bến Chương Dương, Phường Cô Giang, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84 - 8) 38211865

Fax: (84 - 8) 39204349

▪ Chi nhánh Ninh Bình:

Địa chỉ: Số 9 Phúc Trang, Phúc Thành, Tp. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: (84 - 30) 3899822

Fax: (84 - 30) 3899822



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp	7
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu	10
5. Rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1. Tổ chức niêm yết.....	11
2. Tổ chức tư vấn niêm yết.....	11
III. CÁC KHÁI NIỆM	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	13
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	13
1.2. Một số thành tích đã đạt được	13
1.3. Các lần tăng vốn đã thực hiện:.....	15
1.4. Thông tin chung.....	17
1.5. Hồ sơ pháp lý	18
2. Cơ cấu tổ chức.....	19
2.1. Cơ cấu tổ chức	19
2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	19
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần, Danh sách cổ đông sáng lập, Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của Công ty.....	23
3.1. Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần Công ty tại thời điểm 14/01/2011	23
3.2. Danh sách cổ đông sáng lập.....	23
3.3. Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của Công ty Dược phẩm Phong Phú (tại thời điểm 14/01/2011).....	25
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết (chiếm từ 51% trở lên), những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi	



PP.PHARCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM

PHONG PHÚ

Vì niềm tin của bạn



phối, danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	25
4.1. Danh sách những Công ty mẹ của tổ chức niêm yết (chiếm từ 51% trở lên), những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	25
4.2. Danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	25
4.3. Cổ đông lớn của Công ty là Nhà nước	25
5. Hoạt động kinh doanh.....	26
5.1. Sản phẩm dịch vụ chính	26
5.2. Doanh thu và lợi nhuận theo từng nhóm dịch vụ.....	28
5.3. Nguyên vật liệu	31
5.4. Chi phí kinh doanh	33
5.5. Trình độ công nghệ.....	34
5.6. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.....	35
5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ	36
5.8. Hoạt động Marketing	36
5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền.....	37
5.10. Các hợp đồng lớn đang và đã thực hiện	38
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất	39
6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm 2009, 2010 và Quý I/2011	39
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm qua.	40
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	41
7.1. Vị thế của Công ty trong ngành	41
7.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	42
7.3. Định hướng phát triển của Công ty	43
7.4. Thông tin về dự án Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh đạt tiêu chuẩn GMP – WHO	44
8. Chính sách đối với người lao động.....	47
8.1. Số lượng người lao động trong Công ty (tại thời điểm 30/04/2011).....	47
8.2. Chính sách đối với người lao động.....	47
9. Chính sách cổ tức.....	49
10. Tình hình hoạt động tài chính	49



PP.PHARCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM

PHONG PHÚ

Vì niềm tin của bạn



10.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	49
10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	55
11. Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	56
11.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	56
11.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	57
12. Tài sản.....	66
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011-2013	68
13.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ	68
13.2. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011 – 2013.....	69
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận.....	71
15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện được của Công ty	71
16. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới giá cổ phiếu của Công ty.....	71
17. Các thông tin phát hành liên quan đến giá cổ phiếu của Công ty.....	72
V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	72
1. Loại cổ phiếu Cổ phiếu phổ thông.....	72
2. Mệnh giá 10.000 đồng.....	72
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến niêm yết 2.335.500 cổ phiếu.....	72
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	72
5. Phương pháp tính giá:.....	73
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	79
7. Các loại thuế có liên quan	79
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT YẾT.....	80
1. Tổ chức tư vấn niêm yết:.....	80
2. Tổ chức kiểm toán:	80
VII. PHỤ LỤC.....	81



DANH MỤC BẢNG

Bảng IV.1.2: Một số thành tích đã đạt được.....	14
Bảng IV.3.1: Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần Công ty tại thời điểm 14/01/2011	23
Bảng IV.3.2: Danh sách cổ đông sáng lập	24
Bảng IV.3.3: Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của Công ty Dược phẩm Phong Phú (tại thời điểm 14/01/2011)	25
Bảng IV.5.1 Sản lượng sản phẩm/dịch vụ cung cấp qua các năm:.....	26
Bảng IV.5.2a: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2009, 2010 và Quý I/2011	28
Bảng IV.5.2b: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2009, 2010 và Quý I/2011	29
Bảng IV.5.3a: Danh sách một số nhà cung cấp chủ lực nguyên liệu chính cho Công ty và các sản phẩm tương ứng	31
Bảng IV.5.3c: Xu hướng biến động giá nguyên liệu đầu vào:	32
Bảng IV.5.4: Chi phí kinh doanh	33
Bảng IV.5.5: Một số máy móc sản xuất chính	35
Bảng IV.5.6: Số lượng sản phẩm mới từng loại qua các năm.....	36
Bảng IV.5.10: Các Hợp đồng lớn đang thực hiện	38
Bảng IV.6.1: Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh	39
Bảng IV.7.1. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2010 của PP.Pharco so với các Công ty cùng ngành	41
Bảng IV.7.4a: Bảng tổng hợp dự toán.....	46
Bảng IV.7.4b: Nguồn vốn đầu tư của dự án.....	46
Bảng IV.7.4c: Các chỉ tiêu kinh tế của dự án	47
Bảng IV.8.1: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/04/2011	47
Bảng IV.9: Tình hình phân phối cổ tức 2 năm gần nhất:.....	49
Bảng IV.10.1b: Lương và thu nhập bình quân của người lao động	50
Bảng IV.10.1e1: Tình hình trích lập các quỹ tại PP.Pharco các năm 2008, 2009.....	50
Bảng IV.10.1e2: Số dư các quỹ tại PP.Pharco tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011	51
Bảng IV.10.1f: Tình hình đầu tư tài chính	51
Bảng IV.10.1g: Số dư nợ vay ngân hàng tại thời điểm 31/12/2010 và 31/03/2011	52
Bảng IV.10.h1: Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011	53
Bảng IV.10.1.h2: Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011 ..	54
Bảng IV.10.2: Chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh	55
Bảng IV.12a: Đất đai, nhà xưởng của Công ty.....	66



PP.PHARCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
PHONG PHÚ
Vì niềm tin của bạn



Bảng IV.12b1: Tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2010	67
Bảng IV.12b2: Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2010	68
Bảng IV.13.2: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011-2013.....	69
Bảng V.4: Số lượng cổ phần của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng cam kết nắm giữ trong vòng 06 tháng và 01 năm kể từ ngày niêm yết	72
Bảng V.5.1: Mức bình quân hệ số P/B của các doanh nghiệp ngành dược	74
Bảng V.5.2: Ước tính doanh thu thuần của Công ty.....	75
Bảng V.5.3: Vốn lưu động và Vốn cố định của Công ty	76
Bảng V.5.4: Giá trị hiện tại của doanh nghiệp và tỷ suất chiết khấu (Mức sinh lời theo yêu cầu của nhà đầu tư).....	77
Bảng V.5.5: Giá bình quân của PP.Pharco.....	79

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ I.1.1: Biểu đồ Tốc độ tăng trưởng GDP cả nước giai đoạn 2003 - 2010	6
Biểu đồ IV.5.2a: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2009 2010 và Quý I/2011	29
Biểu đồ IV.5.2b: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2009 2010 và Quý I/2011	30
Biểu đồ IV.7.2: Tốc độ tăng GDP và tăng doanh thu ngành Dược	42

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ IV.2.1: Cơ cấu tổ chức:	19
Sơ đồ IV.2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý của PP.PHARCO:.....	22
Sơ đồ IV.5.5: Sơ đồ mô tả công nghệ sản xuất thuốc viên	34



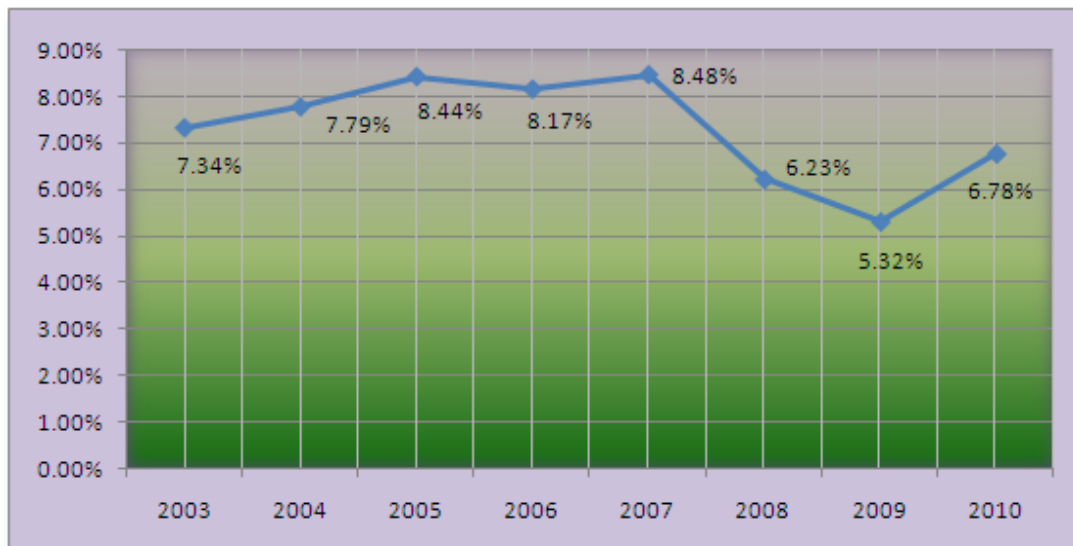
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

I. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong những năm giai đoạn 2003-2007, kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định, trung bình từ 7,5 – 8,5%/năm. Từ năm 2008 tới nay do ảnh hưởng của cuộc suy thoái kinh tế thế giới mức tăng trưởng GDP của Việt Nam giảm xuống còn 6,23% năm 2008, 5,32% năm 2009. Theo Báo cáo cập nhật kinh tế khu vực Đông Á và Thái Bình Dương được Ngân hàng Thế giới (WB) công bố ngày 19/10/2010, WB cho rằng GDP chỉ “đang trên đà đạt được mục tiêu 6,5% của năm 2010”. Tuy nhiên, GDP năm 2010 của Việt Nam đạt 6,78% cao hơn con số WB dự báo. Điều đó chứng tỏ, nền kinh tế của Việt Nam đang từng bước phục hồi và tăng trưởng. Có thể thấy tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước qua biểu đồ sau:

Biểu đồ I.1.1: Biểu đồ Tốc độ tăng trưởng GDP cả nước giai đoạn 2003 - 2010



Nguồn: Theo số liệu của Tổng Cục thống kê

Ngành Dược cũng là một ngành phụ thuộc vào sự phát triển của ngành kinh tế. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh và đời sống nhân dân được nâng cao thì nhu cầu về dược phẩm, đặc biệt là thuốc bổ, thuốc đặc trị, ... cũng tăng theo. Do đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận của ngành dược. Khi nền kinh tế suy thoái, đời sống và thu nhập của người dân giảm thì nhu cầu về dược phẩm cũng giảm theo làm doanh thu và lợi nhuận ngành giảm xuống. Tuy nhiên, do dược phẩm là nhóm sản phẩm thiết yếu nên mức giảm sẽ thấp hơn mức giảm của nền kinh tế.



1.2. Lạm phát

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam trong những năm gần đây luôn ở mức cao và có những năm lên tới hai con số như năm 2007 là 12,6%, cuối năm 2008 là 19,89%, tỷ lệ lạm phát bình quân năm 2008 là 22,97%, tỷ lệ lạm phát 2009 là 6,88% được coi là đạt mục tiêu. Mặc dù, Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp để bình ổn giá cả thị trường, nhưng lạm phát năm 2010 là 11,75%, mục tiêu kiềm chế lạm phát năm 2010 ở mức một con số không thể thực hiện.

Khi lạm phát xảy ra sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp, đẩy chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng lên, ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh và tốc độ tăng trưởng của các doanh nghiệp. Từ đó ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

1.3. Lãi suất tín dụng

Thực tế diễn biến lãi suất trên thị trường cho thấy: Ngày 25/11/2009, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh tăng Lãi suất cơ bản đồng Việt Nam từ 7% lên mức 8% sau 10 tháng liên tiếp giữ ở mức 7% kể từ tháng 02/2009. Ngày 05/11/2010, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã quyết định nâng mức lãi suất cơ bản lên 9%/năm. Việc tăng lãi suất cơ bản là cơ sở để các ngân hàng tăng lãi suất huy động và cho vay phù hợp hơn với thị trường, tạo ra một mặt bằng lãi suất mới. Có ngân hàng đã tăng lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh lên đến 18%-20%. Đây là khó khăn chung đối với các Doanh nghiệp trong việc trả lãi Ngân hàng và tiếp cận vốn vay Ngân hàng. Với mức lãi suất cao như hiện nay làm cho chi phí lãi vay của Công ty tăng và ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Hiện nay Công ty đang có hai khoản vay dài hạn Ngân hàng MHB Chi nhánh Chợ Lớn – HCM là 52 tỷ đồng để thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP tại Tân Tạo. Hai khoản vay này đã giải ngân đến thời điểm 31/12/2010 là hơn 20,6 tỷ đồng với lãi suất hiện tại là 17,5%. Tuy nhiên, Công ty được hỗ trợ lãi suất từ gói kích cầu của Chính Phủ 50 tỷ đồng và được hoàn trả lãi vay theo lãi suất cơ bản. Do đó, lãi suất vay ngân hàng thực tế của Công ty vẫn thấp hơn lãi suất thị trường và hạn chế được rủi ro đối mặt với mức lãi suất cao trong thời điểm hiện nay.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty đang chịu tác động bởi Luật Dược được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005, Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, đồng thời còn chịu sự điều chỉnh của các chính sách thuế xuất nhập khẩu, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, ưu đãi đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào trong các quy định này cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trên



thị trường. Bên cạnh đó, khi gia nhập WTO, đòi hỏi doanh nghiệp phải nắm vững luật pháp và thông lệ quốc tế, đặc biệt là chính sách thuế, các quy định về hàng hóa nhập khẩu và đặc biệt là vấn đề bản quyền sản phẩm.

Với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính, nên sự thay đổi là không tránh khỏi, rủi ro về mặt pháp lý là có nhưng đã được Công ty lường trước, không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động quản trị, hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. **Rủi ro đặc thù**

3.1. **Rủi ro biến động giá của các yếu tố đầu vào**

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm của Việt Nam hiện nay, nguồn dược phẩm và nguyên liệu đầu vào của hầu hết các đơn vị sản xuất trong nước đều phụ thuộc rất lớn vào nguồn nhập khẩu nước ngoài, trong khi giá cả luôn biến động. Sự biến động của các yếu tố đầu vào này đã tác động đến giá thuốc và làm ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng. Đây là một trong những nhân tố rủi ro ảnh hưởng nhiều đến giá thành sản xuất và khả năng sinh lời của các Công ty Dược nói chung và Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú nói riêng.

Nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty được mua từ các nhà cung cấp có uy tín trên thị trường, chất lượng và nguồn cung ứng của các loại dược liệu có tính ổn định cao. Thêm vào đó, thị trường cung cấp nguyên vật liệu sản xuất dược phẩm rất phong phú và đa dạng, qua các phương tiện thông tin, tư vấn, chào hàng, Công ty luôn tập trung tìm hiểu phân tích và chủ động tìm thêm các nhà cung cấp để lựa chọn được nguồn cung cấp ổn định, đảm bảo chất lượng và giá cả hợp lý, hạn chế rủi ro biến động giá nguyên vật liệu.

Ngoài ra giá cả một số yếu tố đầu vào khác như chi phí lương, quảng cáo, điện nước, xăng dầu... đều biến động không ngừng, ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của công ty. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng bởi những biến động về giá cả các yếu tố đầu vào trên thị trường quốc tế và các yếu tố đầu vào khác.

3.2. **Rủi ro ngành**

Theo lộ trình việc Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan sẽ thu hút sự tham gia các Công ty hóa dược, dược phẩm nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại đầu tư vào Việt Nam; Từ ngày 01/01/2007, các hãng dược nước ngoài đã được phép lập chi nhánh tại Việt Nam; từ ngày 01/01/2008, các công ty dược có vốn đầu tư nước ngoài dưới 51% được phép xuất nhập khẩu các sản phẩm dược và kể từ ngày 01/01/2009, các công ty dược có vốn đầu tư nước ngoài



được phép kinh doanh dược phẩm tại Việt Nam, các doanh nghiệp nước ngoài được phép nhập khẩu trực tiếp không qua ủy thác sẽ tạo làn sóng cạnh tranh lớn về giá cả, chất lượng và chủng loại sản phẩm đối với các doanh nghiệp dược Việt Nam.

Trước sự cạnh tranh mạnh mẽ của các công ty dược có vốn đầu tư nước ngoài đòi hỏi Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong phú cần nhanh chóng hoàn thiện dự án nhà máy GMP, đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm để cạnh tranh được trên thị trường.

3.3. Rủi ro hàng giả, hàng nhái

Hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu xuất hiện ngày càng nhiều trên thị trường. Đây là vấn đề mà các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa nói chung và đặc biệt là Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú nói riêng rất quan tâm vì nó liên quan trực tiếp đến sức khỏe người tiêu dùng, bên cạnh đó nó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của các Công ty trong ngành Dược. Theo tổ chức y tế thế giới WHO, có đến 25% thuốc giả lưu thông trên thị trường các nước đang phát triển. Theo báo cáo của Interpol năm 2008, Việt Nam đứng thứ 2 Đông Nam Á về thuốc giả lưu hành với 406 mẫu được phát hiện.

Theo tài liệu báo cáo ngành Dược Việt Nam quý IV/2010 của BMI (Business Monitor International - Anh) mới đây cho rằng: Thuốc giả chiếm khoảng 0,09% trên hơn 17.000 loại thuốc hiện đang lưu hành tại Việt Nam theo số liệu điều tra của Bộ Y Tế từ năm 2005. Sự bất cập yếu kém về quản lý thuốc tại VN khiến thuốc giả vẫn có cơ hội lách luật để tồn tại trong thị trường. Hàng năm thị trường thuốc giả thu lợi nhuận khoảng 450 triệu USD, các thuốc này đa số được vận chuyển từ Trung Quốc, Campuchia, Lào, Ấn Độ.

Sở hữu trí tuệ cũng là một thách thức khi Việt Nam gia nhập WTO, theo đó phải cam kết bảo mật dữ liệu thử nghiệm lâm sàng có trong hồ sơ đăng ký của các thuốc mới trong thời hạn 5 năm. Do đó, các cơ quan quản lý phải có các cơ chế, quy định bảo mật đối với các hồ sơ khi được yêu cầu, đối mặt với nguy cơ bị các công ty kiện trong trường hợp để bộc lộ dữ liệu.

Theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ cho thấy mỗi năm có hơn 3.000 trường hợp vi phạm nhãn hiệu hàng hóa và cạnh tranh không lành mạnh. Bên cạnh những nỗ lực của Công ty trong việc chống hàng giả, hàng nhái, thì sự hỗ trợ của cơ quan quản lý Nhà nước là rất cần thiết nhằm hạn chế và loại bỏ hàng giả, hàng nhái các mặt hàng thuốc tân dược nhằm đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Cho tới thời điểm này, Các cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương đã và đang thực hiện nhiều biện pháp để chống tệ nạn hàng giả, hàng nhái nói chung và trong lĩnh vực thuốc y tế nói riêng nhưng dường như hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu vẫn xuất hiện ngày càng phổ biến và tinh vi trên thị trường hơn.



3.4. Rủi ro biến động giá bán lẻ thuốc tại các cửa hàng tư nhân

Theo báo cáo của Hiệp hội Kinh doanh dược Việt Nam, từ ngày 20/04 đến 20/05/2010, giá thuốc nội tại khu vực Hà Nội có 42 lượt mặt hàng tăng giá (chiếm gần 0,64% so với tổng số các mặt hàng khảo sát). Mức tăng trung bình là 6,1%. Có 20 lượt mặt hàng giảm giá, mức giảm trung bình 5,9%. Miền Trung và TP.HCM giá ổn định, một số mặt hàng tăng giảm khoảng 5%. Với thuốc ngoại, có 25 lượt mặt hàng được khảo sát tăng giá, tỷ lệ tăng trung bình 6,5%.

Theo cơ chế hiện nay, doanh nghiệp chỉ phải kê khai giá cho các cơ quan nhà nước trước khi lưu hành hoặc trước khi tăng giá. Cục Quản lý giá, Cục Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính) sẽ xem xét hồ sơ kê khai. Trong trường hợp kê khai giá bất hợp lý, các cơ quan này sẽ có văn bản yêu cầu xem lại. Tuy nhiên, theo Cục Quản lý dược: “thời gian qua, sự thật là các cơ quan nhà nước rất khó khăn trong việc xác định giá nào là hợp lý”. Trong khi các doanh nghiệp vẫn chịu sự kiểm soát về giá thì Cục quản lý dược vẫn chưa có biện pháp hiệu quả để ngăn chặn tình trạng nhiều cửa hàng bán lẻ tự tăng giá thuốc. Đây sẽ là một khó khăn cho các doanh nghiệp dược Việt Nam nói chung và CTCP Dược phẩm Phong Phú nói riêng khi tâm lý tiêu dùng luôn hướng sản phẩm kém chất lượng thuộc về sản phẩm nội.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu của thị trường và chịu sự ảnh hưởng bởi các yếu tố: Tình hình hoạt động của Công ty, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, những thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán của PP.Pharco. Do đó, giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán có khả năng biến động và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ tác động tới tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là các rủi ro thiên tai như lũ lụt, hỏa hoạn, động đất, cháy nổ. Công ty đã có những biện pháp phòng ngừa như lắp đặt các hệ thống phòng chống cháy nổ, mua bảo hiểm tài sản nhằm hạn chế tối đa thiệt hại khi có rủi ro xảy ra.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Ông Hồ Vinh Hiền Chức vụ: **Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT**

Bà Lê Thị Thảo Hương Chức vụ: **Trưởng Ban Kiểm soát**

Bà Trần Lệ Thu Chức vụ: **Ủy viên thường trực HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn niêm yết

Ông Vũ Đức Nghĩa Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú
PP.Pharco	: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú
Tổ chức niêm yết	: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú
Tổ chức kiểm toán	: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV
WOORI CBV	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV
CTCP	: Công ty Cổ phần
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú
Điều lệ	: Điều lệ Tổ chức và hoạt động CTCP Dược phẩm Phong Phú
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông CTCP Dược phẩm Phong Phú
HDQT	: Hội đồng Quản trị
TGD	: Tổng Giám đốc
BCTC	: Báo cáo tài chính
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
TSCĐ	: Tài sản cố định
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
BP	: Bộ phận
ĐBCL	: Đảm bảo chất lượng
QLHTCL	: Quản lý hệ thống chất lượng
R & D	: Nghiên cứu và phát triển
KTCL	: Kiểm tra chất lượng
GLP	: Thực hành kiểm nghiệm thuốc tốt (Good Laboratory Practices)
GMP	: Thực hành sản xuất thuốc tốt (Good Manufacturing Practices)
GSP	: Thực hành bảo quản thuốc tốt (Good Storage Practices)
GDP	: Thực hành phân phối thuốc tốt (Good Distribution Practices)
GPP	: Thực hành nhà thuốc tốt (Good Pharmacy Practices)
WHO	: Tổ chức Y tế thế giới (The World Health Organization)
WTO	: Tổ chức Thương mại thế giới (The World Trade Organization)



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú tiền thân là Cửa hàng quốc doanh Dược phẩm Quận 8 được thành lập vào tháng 10/1975. Đến tháng 12/1976 đơn vị được sáp nhập về Công ty Dược phẩm cấp II, có nhiệm vụ nhận và bán hàng, sau đó nộp toàn bộ doanh thu lên Công ty, thuốc bán theo toa của bác sĩ, lương nhân viên hưởng theo lương của Nhà nước quy định.

Tháng 10/1982 đơn vị được phân cấp về Quận 8 với tên mới là Hiệu thuốc quốc doanh Quận 8. Sau đó Xưởng Dược phẩm Quận 8 được sáp nhập vào đơn vị theo Quyết định số 09/QĐ-UB ngày 25/01/1983 của Ủy ban Nhân dân Quận 8, TP.HCM.

Từ 1986 – 1989 nền kinh tế nước ta bắt đầu chuyển sang cơ chế thị trường theo đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, Công ty bắt đầu đi vào hoạt động độc lập.

Năm 1990 hoạt động của đơn vị đã có tiến triển, vốn đầu tư đã được tích lũy, kỹ thuật sản xuất cũng được cải tiến, trang thiết bị đổi mới, chất lượng sản phẩm làm ra cũng được nâng cao, đơn vị sản xuất thành công thuốc viên bấm vỉ giống thuốc ngoại mà chất lượng cũng không kém, sản phẩm làm ra được người tiêu thụ tin dùng, nhờ đó lợi nhuận của đơn vị ngày càng tăng lên và nguồn vốn đầu tư phát triển càng được mở rộng.

Năm 1992 theo chủ trương chính sách ngành y về Đông - Tây y kết hợp, đơn vị đã đi vào bào chế nhiều loại thuốc mới có nguồn gốc thiên nhiên để phục vụ người tiêu dùng. Bên cạnh đó việc mở rộng sản xuất còn góp phần làm tăng thêm lợi nhuận cho Công ty. Cũng trong năm này, theo Quyết định số 338/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước, đơn vị được Ủy ban nhân dân TP.HCM cho phép thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Dược phẩm Quận 8.

Theo chủ trương đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước để nâng cao hiệu quả hoạt động, ngày 28/12/1999 Ủy ban nhân dân TP.HCM ra Quyết định số 8030/QĐ-UB-KT về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược phẩm Quận 8 thành Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú.

1.2. Một số thành tích đã đạt được

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình, Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú đã đạt được các thành tích sau:



Bảng IV.1.2: Một số thành tích đã đạt được

STT	CẤP KHEN THƯỞNG	NỘI DUNG	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY KÝ
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 3				
1	CHỦ TỊCH NƯỚC CHXHCNVN LÊ ĐỨC ANH	Tặng Công ty Dược phẩm Quận 8 có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1991 đến năm 1995, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội và bảo vệ tổ quốc	1036 KT/CT	18/10/1996
BẰNG KHEN				
1	ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM	Đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ năm 2001	1108/QĐUB	18/03/2002
2	ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM	Có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2002	1180/QĐUB	28/03/2003
3	ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM	Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2004	1734/QĐCB	18/04/2005
4	ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM	Đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ năm 2006	1125/QĐUB	22/03/2007
5	Bộ Y tế	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Dược năm 2008	1803/QĐ-BYT	25/05/2009
GIẤY KHEN				
1	ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8	Tặng cho Cty Cổ Phần Dược Phẩm Phong Phú đã có thành tích tốt trong phong trào thi đua yêu nước năm 2001	1833/NĐ-KT	03/12/2002



STT	CẤP KHEN THƯỞNG	NỘI DUNG	SỐ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY KÝ
2	ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8	Có thành tích tốt trong phong trào thi đua yêu nước năm 2002	1176/QĐ-KT	27/03/2003
3	ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phong Phú đã có thành tích trong công tác thực hiện "Chương trình mục tiêu 3 giảm" 2 năm (2002-2003)	5150/QĐKT	11/07/2003
4	ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8	Thành tích tốt trong phong trào Đền ơn đáp nghĩa 6 tháng đầu 2005	6387/QĐ-KT	22/07/2005
5	BẢO HIỂM XÃ HỘI TP HCM	Có thành tích thực hiện chế độ - chính sách BHXH - BHYT năm 2006	40/QĐ-KT	25/01/2007
CHỨNG NHẬN				
1	UBND TP HCM	Tập thể lao động Xuất sắc 2008	1291/QĐ-UBND	31/03/2009
2	UBND TP HCM	Tập thể lao động Xuất sắc 2009	1320/QĐ-UBND	24/03/2010

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

1.3. Các lần tăng vốn đã thực hiện:

🚩 Đợt 1: Tăng vốn từ 6 tỷ đồng lên 22 tỷ đồng

- Căn cứ: Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2007 ngày 12/05/2007 thông qua việc phát hành từ 6 tỷ lên 22 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)
Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và CBCNV Công ty.
- Mục đích huy động vốn: Dự án xây dựng nhà máy dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-WHO tại Long An.



- Tổng số lượng phát hành thành công: 1.600.000 cổ phần tương đương với giá trị phát hành 16.000.000.000 đồng.
 - Cổ đông hiện hữu mua (29 cổ đông): 309.200 cổ phần với giá 10.000 đồng/cổ phần
 - CBCNV mua (14 cổ đông): 96.250 cổ phần với giá 12.200 đồng/cổ phần
 - Cổ đông chiến lược mua (04 cổ đông): 1.194.250 cổ phần với giá 12.200 đồng/cổ phần
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 22.000.000.000 đồng (*Hai mươi hai tỷ đồng*).
- ✚ **Đợt 2: Tăng vốn điều lệ từ 22 tỷ lên 23,355 tỷ đồng**
 - Căn cứ:
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2009 ngày 27/06/2009 thông qua việc phát hành từ 22 tỷ lên 40 tỷ đồng.
 - Giấy Chứng nhận chào bán số 492/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/01/2010.
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: **22.000.000.000 đồng** (*Hai mươi hai tỷ đồng*).
Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
 - Hình thức tăng vốn: Chào bán cổ phiếu ra công chúng.
 - Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược.
 - Mục đích huy động vốn: Dự án xây dựng nhà máy dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-WHO tại Tân Tạo (Thay đổi địa điểm của Nhà máy từ Long An sang KCN Nhị Xuân, sau đó thay đổi từ KCN Nhị Xuân sang Tân Tạo để nhận được hỗ trợ lãi suất từ Chính Phủ cho gói kích cầu (việc thay đổi địa điểm đã được ĐHĐCĐ thông qua).
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Tổng số lượng phát hành thành công: 135.500 cổ phần chiếm 7,53% tổng số lượng chào bán.
 - Cổ đông hiện hữu mua (56 Cổ đông): 122.500 cổ phần
 - Cổ đông chiến lược mua (03 Cổ đông): 13.000 cổ phần
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 23.355.000.000 đồng (*Hai mươi ba tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu đồng*).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
PHONG PHÚ
Vì niềm tin của bạn



1.4. Thông tin chung

Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú
Tên tiếng anh : Phong Phu Pharmaceutical Joint Stock Company
Tên viết tắt : PP.Pharco
Trụ sở : 30 – 32 đường Phong Phú, Phường 12, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 3855 0908 - (84-8) 3855 8419
Fax : (84-8) 3854 8334
E-mail : info@phongphu.org
Website : <http://phongphu.org>
Vốn điều lệ : 23.355.000.000 đồng
(Hai mươi ba tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu đồng)

Logo :



(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301427564 ngày 20 tháng 08 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu, thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 02 năm 2011)

Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy Chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số 0301427564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/02/2011, ngành nghề kinh doanh Công ty bao gồm:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (Mã ngành 2100);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (mã ngành: 4772);
- Kinh doanh thuốc chữa bệnh, xuất nhập khẩu trực tiếp, mua bán mỹ phẩm (mã ngành: 4649);
- Sản xuất trà (mã ngành: 3296); Sản xuất các loại bánh từ bột (mã ngành: 1071); sản xuất mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự (mã ngành: 1074);



- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, đồ uống không cồn (không sản xuất tại trụ sở) (mã ngành: 1104);
- Mua bán trà; Bán buôn đường sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, đồ uống không có cồn. Mua bán thực phẩm chức năng (mã ngành: 4632);
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng. Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh (mã ngành: 4932);
- Lưu giữ hàng hóa (mã ngành: 3210);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (mã ngành: 6810);
- Sản xuất thực phẩm chức năng (trừ chế biến thực phẩm tươi sống) (mã ngành: 1979);
- Dịch vụ y tế (sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề) (mã ngành: 8699);
- Sản xuất cacao, sôcôla và mứt kẹo (mã ngành: 1073).

1.5. Hồ sơ pháp lý

Theo Giấy Chứng nhận ĐKKD Công ty cổ phần số 0301427564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 08 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 02 năm 2011.

Kể từ khi thành lập, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp sửa đổi, bổ sung Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh 8 lần, lần lượt như sau:

- Lần 1 (25/03/2003) : Thay đổi ngành, nghề kinh doanh
- Lần 2 (02/03/2007) : Bổ sung địa điểm kinh doanh Hiệu thuốc số 8
- Lần 3 (25/10/2007) : Tăng vốn điều lệ từ 6 tỷ đồng lên 22 tỷ đồng
- Lần 4 (13/11/2008) : Bổ sung ngành nghề kinh doanh
- Lần 5 (16/08/2010) : Thay đổi số ĐKKD chuyển thành Mã số doanh nghiệp
- Lần 6 (09/09/2010) : Thay đổi người đại diện theo pháp luật
- Lần 7 (28/10/2010) : Tăng vốn điều lệ từ 22 tỷ đồng lên 23,355 tỷ đồng.
- Lần 8 (11/02/2011) : Bổ sung mã ngành kinh doanh



2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Cơ cấu tổ chức

Công ty có một (01) trụ sở chính, 01 Xưởng sản xuất, 01 Ban dự án và 82 Hiệu thuốc trực thuộc tại Tp. Hồ Chí Minh:

✚ Trụ sở chính:

Địa chỉ: 30-32 đường Phong Phú, Phường 12, Quận 8, Tp Hồ Chí Minh

✚ Xưởng sản xuất

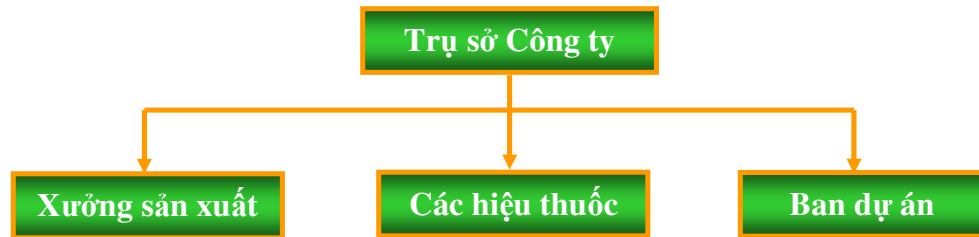
Địa chỉ: 179 đường Phong Phú, Phường 11, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh

✚ 82 Hiệu thuốc trực thuộc tại Tp Hồ Chí Minh

✚ Ban dự án (Nhà máy sản xuất Dược theo tiêu chuẩn GMP-WHO)

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tân Tạo (Lô 12, Đường số 8, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. HCM).

Sơ đồ IV.2.1: Cơ cấu tổ chức:



2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

✚ Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty.

✚ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 07 thành viên gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 05 Ủy viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm.

✚ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ.



Ban Kiểm soát của Công ty có 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất và Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh). Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Bộ phận chức năng

Công ty có các Bộ phận chức năng hỗ trợ cho Ban Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có 05 Bộ phận chức năng:

- **Phòng Tổ chức - Hành chính:** có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về bộ máy sản xuất kinh doanh, và bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên; quản lý lao động tiền lương; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy.
- **Phòng Tài chính - Kế toán:** có chức năng tổ chức bộ máy kế toán; quản lý vốn và tài sản; thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, thống kê, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư; tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm.
- **Phòng Công nghệ thông tin (IT):**
Phòng Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin nội bộ tại đơn vị bao gồm: hệ thống mạng Lan, thiết bị đường truyền phục vụ Internet tại đơn vị, máy vi tính, máy In, máy fax, máy photo, hệ thống thông tin liên lạc (điện thoại, âm thanh,...), máy chiếu, máy chụp hình, ... Phòng Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm quản lý website, cập nhật thông tin website theo quyết định của Giám đốc; theo dõi thông tin trên mail của Công ty và chuyển những nội dung mail về các Phòng ban theo đúng nội dung và chức năng.
- **Phòng đảm bảo chất lượng:**
Phòng đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm xây dựng chính sách chất lượng, hệ thống chất lượng (GMP - WHO) của Công ty trình Lãnh Đạo phê duyệt Thiết lập và điều hành hệ thống quản lý chất lượng toàn diện của Công ty phù hợp với các yêu cầu GMP,... Tổ chức và hướng dẫn thực hiện tốt hệ thống Đảm bảo chất lượng đã được xác lập nhằm đảm bảo mọi sản phẩm sản xuất tại Công ty khi đưa ra thị trường đạt các yêu cầu về chất lượng như đã đăng ký. Tổ chức thực hiện



chương trình đào tạo, huấn luyện các nội dung liên quan đến quản lý chất lượng (GMP,...).

- **Phòng kiểm tra chất lượng:** đánh giá các loại thuốc sản xuất đạt chất tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký; phối hợp tìm hiểu và giải quyết kịp thời các sự cố bất thường trong quá trình sản xuất; theo dõi việc thực hiện các phương pháp lấy mẫu để xác định chất lượng thành phẩm thuốc sản xuất; ký duyệt các kết quả kiểm nghiệm về nguyên phụ liệu, bao bì trước khi đưa vào sử dụng; thực hiện các hồ sơ tài liệu có liên quan tìm hiểu và giải quyết các nguyên nhân gây ảnh hưởng đến chất lượng thuốc.
- **Phòng kỹ thuật cơ điện:** Theo dõi, kiểm tra và bảo trì các thiết bị sản xuất của Công ty, bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng tốt, lắp đặt và hướng dẫn vận hành máy móc an toàn và hiệu quả. Thối đổi và triển khai các biện pháp an toàn – vệ sinh trong Công ty. Kết hợp với Phòng kiểm tra chất lượng, Phòng đảm bảo chất lượng, phòng R&D thẩm định, báo cáo thẩm định thiết bị nhà xưởng. Tham gia vào chương trình tự thanh tra GMP.
- **Phòng nghiên cứu và phát triển (R&D):** có nhiệm vụ triển khai nghiên cứu và sản xuất các mặt hàng mới, ban hành tiêu chuẩn bao bì và quy cách đóng gói của sản phẩm phù hợp với quy định của ngành và thị hiếu khách hàng.
- **Xưởng sản xuất:** xưởng sản xuất chịu sự điều hành trực tiếp của Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất.

Chức năng của Xưởng sản xuất là Tổ chức sản xuất để thực hiện đúng kế hoạch sản xuất theo nguyên tắc của thực hành tốt sản xuất thuốc; Quản lý và sử dụng trực tiếp công nghệ thiết bị, các phương tiện và dụng cụ một cách hiệu quả đối với hoạt động sản xuất; Quản lý và trực tiếp tổ chức phân công, điều phối các lực lượng lao động đang làm việc tại xưởng.

- **Bộ phận cung ứng:** Có kế hoạch cung ứng đủ nguyên liệu cho dự trữ sản xuất phù hợp giá cả và đạt yêu cầu chất lượng đầu vào của nguyên liệu làm thuốc.
- **Bộ phận phân phối:** có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc ký kết hợp đồng mua bán giữa các khách hàng và Công ty; kiểm soát và quản lý quá trình thực hiện các hợp đồng kinh tế đã được Ban Giám đốc phê duyệt; và xây dựng kế hoạch cung ứng hàng hóa phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- **Bộ phận tiếp thị:** Có chức năng kiến tạo một hệ thống phân phối hoàn chỉnh đạt GDP (Good Distribution Practices - Thực hành tốt phân phối thuốc) và GPP (Good Pharmacy Practices - Thực hành tốt quản lý nhà thuốc), phát triển thành chuỗi, thực hiện chiến lược phân loại, thăm dò, thống kê khách hàng phối hợp với bộ phận cung ứng để đẩy mạnh chiến lược bán hàng.



PP.PHARCO

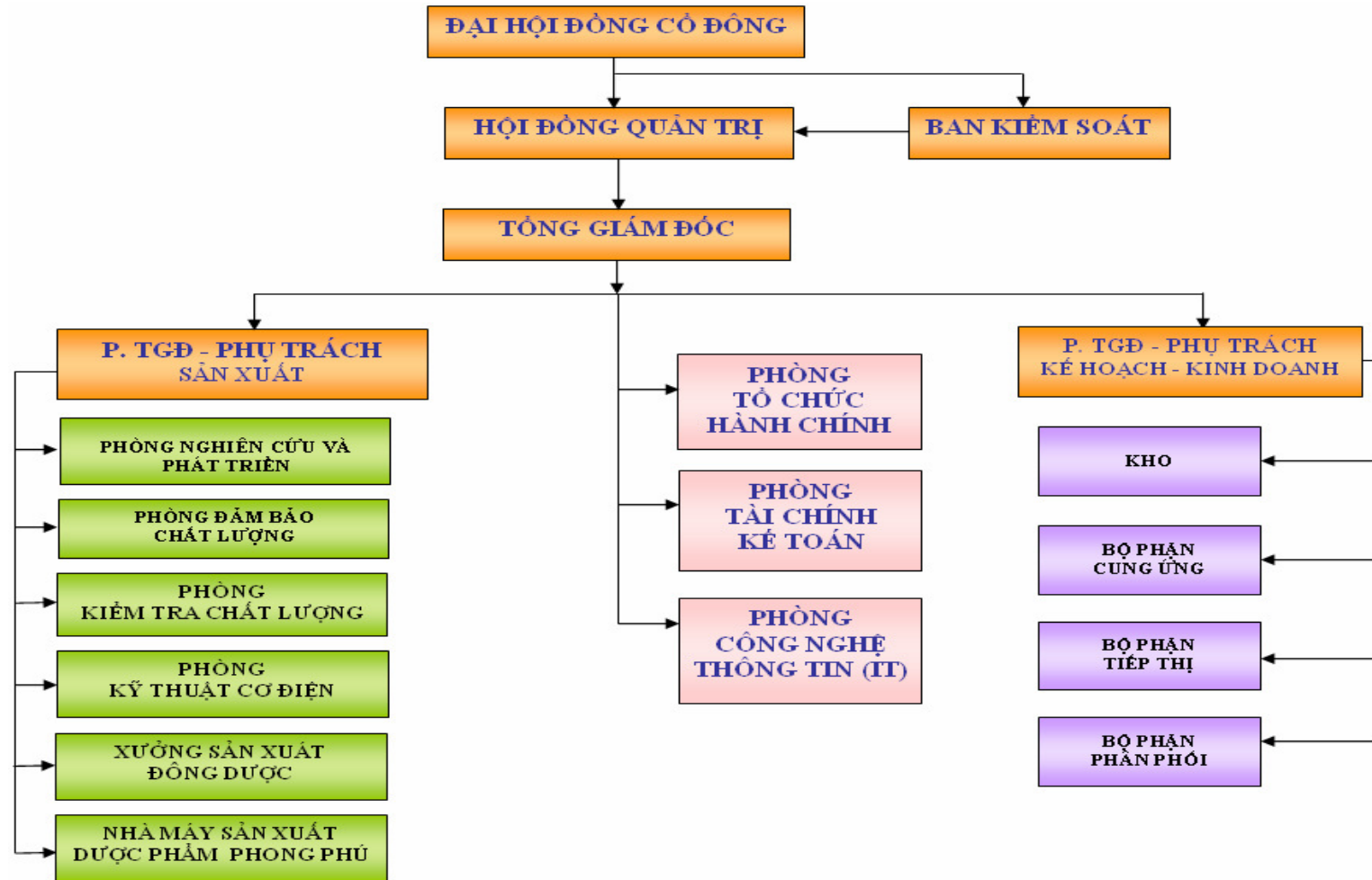
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM

PHONG PHÚ

Vì niềm tin của bạn



Sơ đồ IV.2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý của PP.PHARCO:



Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú



3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần, Danh sách cổ đông sáng lập, Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của Công ty

3.1. Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần Công ty tại thời điểm 14/01/2011

Bảng IV.3.1: Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần Công ty tại thời điểm 14/01/2011

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CMND	TỔNG SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Đại diện vốn Nhà nước (Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn)				
Hồ Vinh Hiền	302/1 Bis Hai Bà Trưng, P. Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	022017384 do CA Tp. HCM cấp ngày 11/01/2005	305.738	13,09%
Trần Lệ Thu	148 Ba Đình, Phường 10, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	021057274 do CA Tp. HCM cấp ngày 19/09/2000		
Tổng cộng			305.738	13,09%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy CNĐKKD số 0301427564 thay đổi lần thứ 8 ngày 11/02/2011 thì danh sách cổ đông sáng lập của Công ty là:



Bảng IV.3.2: Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên Cổ đông sáng lập	Số CMND/ĐKKD	Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú/Trụ sở chính	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Tổng số cổ phần nắm giữ tại 14/01/2011	Tỷ lệ sở hữu tại 14/01/2011
I.	Đại diện vốn Nhà nước:						
	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	0300523385 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 17/08/2010	18 -20 Nguyễn Trường Tộ, P12, Q.4, TPHCM				
1	Hồ Vinh Hiển	022017384 do CA Tp. HCM cấp ngày 11/01/2005	302/1 Bis Hai Bà Trưng, P. Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	288.000	13,09%	305.738	13,09%
2	Trần Lệ Thu	021057274 do CA Tp. HCM cấp ngày 19/09/2000	148 Ba Đình, Phường 10, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh				
II	Đại diện các cổ đông:						
3	Huỳnh Thắng Trung		123 Hòa Hưng, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	0	0%	0	0%
4	Lê Văn Khôi	023841137 do CA Tp. HCM cấp ngày 08/09/2000	125/166A Hương Lộ 14, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	170.400	7,75%	10.000	0,43%
5	Nguyễn Thị Bích Ngọc	020096034 do CA Tp. HCM cấp ngày 22/08/2008	452 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, TP Hồ Chí Minh	0	0%	81.160	3,48%
6	Phùng Quốc Oanh		25 Phan Chu Trinh, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	12.000	0,55%	0	0%
7	Trần Đàm San	022634905 do CA Tp. HCM cấp ngày 02/11/2000	155/24C Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	30.000	1,36%	30.000	1,28%
8	Và 130 cổ đông	-	-	1.699.600	77,25%	-	-
	Tổng cộng			2.200.000	100%	426.898	18,28%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú



Ghi chú: Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/08/2000, do đó đến thời điểm hiện tại đã hết hạn 3 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ theo Điều 84 Luật Doanh nghiệp 2005 đã được Quốc hội khoá 11 thông qua ngày 19/11/2005.

3.3. Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của Công ty Dược phẩm Phong Phú (tại thời điểm 14/01/2011)

Tại thời điểm ngày 14/01/2011, số lượng cổ đông của Công ty là 375 Cổ đông với cơ cấu cổ đông như sau:

Bảng IV.3.3: Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của Công ty Dược phẩm Phong Phú (tại thời điểm 14/01/2011)

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
1. Cá nhân trong nước	372	2.014.162	20.141.620.000	86,24%
2. Cá nhân nước ngoài	1	14.000	140.000.000	0,60%
3. Tổ chức trong nước	2	307.338	3.073.380.000	13,16%
4. Tổ chức nước ngoài	0	-	-	-
Tổng cộng	375	2.335.500	23.355.000	100,00%

Nguồn: Sổ cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú tại ngày 14/01/2011

4. **Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết (chiếm từ 51% trở lên), những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.**

4.1. **Danh sách những Công ty mẹ của tổ chức niêm yết (chiếm từ 51% trở lên), những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Không có

4.2. **Danh sách những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết**

Không có

4.3. **Cổ đông lớn của Công ty là Nhà nước**

Theo Quyết định số 3749/QĐ-UBND ngày 15/08/2006 của Ủy ban nhân dân TP.HCM về tổ chức lại Công ty Dược TP.HCM thành Công ty Dược Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú



là 01 trong 17 công ty thành viên của Công ty Dược Sài Gòn. Công ty Dược Sài Gòn hiện quản lý phần vốn nhà nước tại PP.Pharco là 13,09% vốn điều lệ.

Công ty Dược Sài Gòn có tên giao dịch là Saigon Pharmaceutical Company, tên viết tắt là Sapharco, giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4106000356 do Sở Kế hoạch - Đầu tư TP.HCM cấp ngày 21/12/2007. Trụ sở Sapharco đặt tại 18-20 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM.

Với quy định công ty có vốn Nhà nước dưới 50% sẽ là công ty liên kết, mô hình này tạo điều kiện thuận lợi cho PP.Pharco phát triển bền vững trong định hướng chung của hệ thống Sapharco về phát triển sản xuất và khoa học công nghệ trong lĩnh vực phát triển ngành dược TP.HCM nói riêng và cả nước nói chung.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm dịch vụ chính

Hiện nay, Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú sản xuất khoảng 50 sản phẩm. Trong đó với hơn 20 loại dược phẩm có nguồn gốc hoàn toàn từ dược liệu thiên nhiên tham gia thị trường như: Nasalis, Chophtin, Diệp hạ châu, Điều kinh ích mẫu..... Ngoài ra, dược Phong Phú đã cho ra một sản phẩm mới ÍCH THẬN KHANG được điều chế từ các loại thảo dược như: mạch môn, thiên môn, hoài sơn, thực địa.

Theo dạng bào chế, các sản phẩm của công ty được chia thành các nhóm:

Nhóm thuốc viên: Chophtin, Nasalis, Kim tiền thảo, Diệp hạ châu..

Nhóm thuốc nước: Điều kinh ích mẫu, Thuốc ho bổ phổi...

Nhóm thuốc gói: Oresol, Gastrophar...

Một số sản phẩm nổi bật và đã từng bước khẳng định thương hiệu tại thị trường trong nước như: Chophtin, Hepacalcium, Kim tiền thảo, Điều kinh ích mẫu, Diệp hạ châu, Nasalis...

Bảng IV.5.1 Sản lượng sản phẩm/dịch vụ cung cấp qua các năm:

Sản phẩm/dịch vụ	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Sản lượng thuốc viên sản xuất	Triệu viên	119	135	107
Sản lượng thuốc nước sản xuất	Lít	920	2.881	0
Sản lượng thuốc gói sản xuất	Kg	16.078	86.267	33.601

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú



HÌNH ẢNH MINH HỌA MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY



Hepacalcium



Edphavit



Edpharco Bevirfort 250



Edphartan



Smeton



Smeton viên BĐ



Becoginsena



Ouy tỷ



Chophytin vỉ



Tiêu độc nhuận gan



Chophytin chai 180v



Chophytin chai 40v



Diệp Hạ Châu



Điều Kinh Ích Mẫu - chai 180ml



Điều kinh Ích mẫu



Kim Tiền Thảo



ULGAST



Carbomecin



Ho Bò Phổi



NASALIS

Nguồn: CTCP Dược phẩm Phong Phú



5.2. Doanh thu và lợi nhuận theo từng nhóm dịch vụ

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bảng IV.5.2a: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2009, 2010 và Quý I/2011

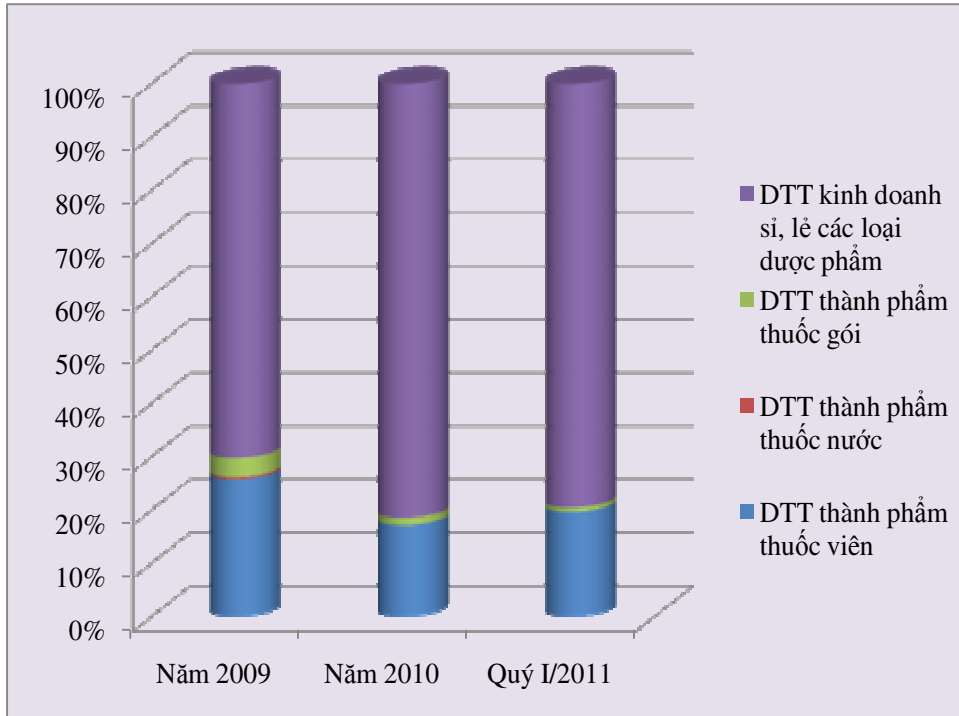
Khoản mục	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng
Doanh thu thành phẩm thuốc viên	12.922.490.138	25,88%	11.501.509.162	17,24%	3.545.085.363	19,74%
Doanh thu thành phẩm thuốc nước	190.165.279	0,38%	-	0%	-	0%
Doanh thu thành phẩm thuốc gói	1.798.411.373	3,60%	939.235.000	1,41%	147.763.000	0,82%
Doanh thu kinh doanh sỉ, lẻ các loại dược phẩm	35.028.248.036	70,14%	54.272.774.261	81,35%	14.264.791.870	79,44%
Tổng doanh thu	49.939.314.826	100%	66.713.518.423	100%	17.957.640.233	100,00%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

Doanh thu kinh doanh sỉ lẻ các loại dược phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất trong 02 năm 2009, 2010 và quý I/2011 trong cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Năm 2009, doanh thu này có tỷ trọng 70,14% so với tổng doanh thu, sang đến năm 2010 tỷ lệ này tăng lên 81,35% và 79,44% trong quý I năm 2011. So với kinh doanh, hoạt động sản xuất của Công ty có mức tăng trưởng khiêm tốn hơn nhiều. Tuy nhiên cơ cấu doanh thu của Công ty sẽ thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng kinh doanh sỉ lẻ các loại dược phẩm sang hướng phát triển mạnh về sản xuất, hiện tại công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP. Về hoạt động sản xuất, doanh thu thành phẩm thuốc viên chiếm tỷ trọng khá cao năm 2009 có tỷ trọng 25,88%, năm 2010 có tỷ trọng 17,24% và quý I/2011 có tỷ trọng 19,74%. Các doanh thu khác như Doanh thu thành phẩm thuốc nước, doanh thu thành phẩm thuốc gói có tỷ trọng nhỏ trong Tổng doanh thu.



Biểu đồ IV.5.2a: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2009 2010 và Quý I/2011



b) Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bảng IV.5.2b: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2009, 2010 và Quý I/2011

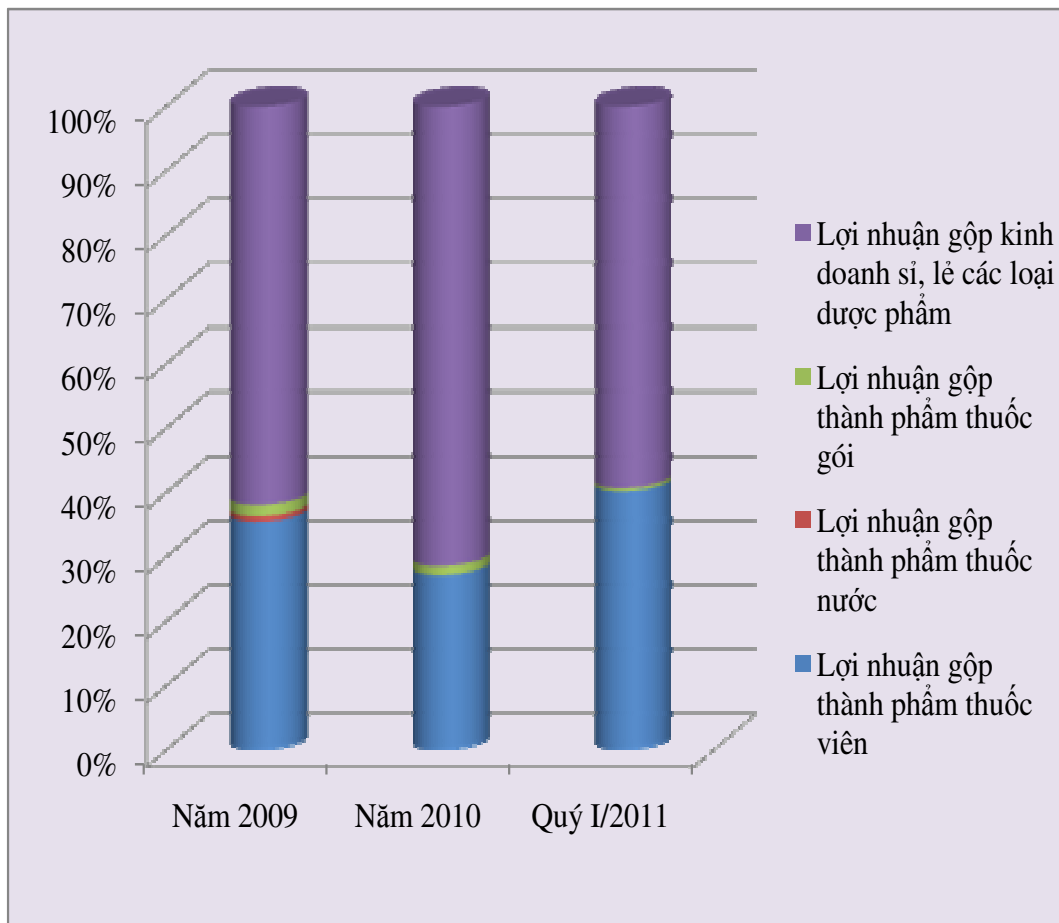
Khoản mục	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng	Giá trị (VND)	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp thành phẩm thuốc viên	1.888.922.490	35,54%	1,524,182,248	27,25%	697.860.311	40,28%
Lợi nhuận gộp thành phẩm thuốc nước	43.986.830	0,83%	-	0%	-	0%
Lợi nhuận gộp thành phẩm thuốc gói	96.208.944	1,81%	80,971,841	1,45%	8.893.913	0,51%
Lợi nhuận gộp kinh doanh sỉ, lẻ các loại dược phẩm	3.284.907.557	61,82%	3,988,426,285	71,30%	1.025.915.001	59,21%
Lợi nhuận gộp	5.314.025.821	100%	5,593,580,374	100%	1.732.669.225	100,00%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú



Trong cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận gộp kinh doanh si lẻ các loại dược phẩm chiếm tỷ trọng cao nhất, trong 03 năm 2008, 2009 và năm 2010, năm 2008 lợi nhuận đạt được trên 4 tỷ chiếm tỷ trọng 73,73%, năm 2009 đạt được trên 3,2 tỷ, chiếm tỷ trọng 61,82%, sang năm 2010, lợi nhuận đạt được từ kinh doanh các sản phẩm dược vẫn khá ổn định, đạt được gần 4 tỷ chiếm 71,30%, đến quý I/2011 có tỷ trọng là 59,21%. Tương tự như cơ cấu doanh thu, lợi nhuận từ thành phẩm thuốc viên vẫn chiếm tỷ trọng khá cao năm 2009 tỷ trọng tăng lên tới 35,54% và năm 2010 đạt được 27,25% và quý I/2011 tăng lên 40,28% chứng tỏ tình hình sản xuất kinh doanh của công ty khá ổn định.

Biểu đồ IV.5.2b: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2009 2010 và Quý I/2011





5.3. Nguyên vật liệu

a) Nguồn nguyên liệu:

Với kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ mua bán trong nhiều năm liền với các nhà cung ứng nguyên liệu về dược. Nguồn nguyên liệu chính để sản xuất thuốc của PP.Pharco có xuất xứ từ nhiều nơi trên thế giới như USA, Trung Quốc, Hà Lan, Việt Nam...được cung cấp từ các nhà cung cấp trong nước như Công ty CP Hóa Chất Á Châu, Công ty TNHH TM Châu Quân, Công ty TNHH Hóa chất FD & C ... Đây là những nhà phân phối chuyên cung cấp nguyên liệu cho ngành dược, với chất lượng và nguồn cung ứng được đảm bảo.

Bảng IV.5.3a: Danh sách một số nhà cung cấp chủ lực nguyên liệu chính cho Công ty và các sản phẩm tương ứng

STT	Tên nguyên liệu	Mô tả	Sản xuất thành phẩm thuốc	Xuất xứ	Tên nhà cung cấp
1	Kim ngân hoa	Hoa hình ống, hơi cong, phủ đầy lông.	Nasalis	Trung Quốc	Cửa Hàng KD Dược liệu Kim Anh
2	Thương nhĩ tử	Quả hình thoi, màu xám, có nhiều gai hình móc câu.	Nasalis	Trung Quốc	Cửa Hàng KD Dược liệu Hiệp Phát
3	Chi tử	Quả hình thoi, trứng dẹp, vỏ màu vàng, có 5 đến 8 đường gờ chạy dọc quả.	Chophytin, BAZ	Trung Quốc	Cửa Hàng KD Dược liệu Hiệp Phát
4	Actiso	Lá nhẵn nheo, mặt trên màu nâu hoặc lục, mặt dưới màu xám, có nhiều lông. Vị hơi mặn và đắng.	Chophytin, BAZ	Việt Nam	Cửa Hàng KD Dược liệu Hiệp Phát
5	Mạch môn	Rễ hình thoi, mặt ngoài có màu vàng nâu và nhiều nếp nhăn dọc. Mùi thơm nhẹ, vị hơi ngọt, hơi đắng.	Ích thận khang Hamiton	Trung Quốc	Cửa Hàng KD Dược liệu Hiệp Phát
6	Sa sâm	Rễ hình trụ, đôi khi phân nhánh. Màu ngoài màu trắng vàng nhạt. Có mùi đặc biệt.	Hamiton	Trung Quốc	Cửa Hàng KD Dược liệu Hiệp Phát
7	Kim tiền thảo	Thân hình trụ, phủ đầy lông mềm, ngắn, màu vàng. Mùi thơm đặc trưng.	Kim tiền thảo	Việt Nam	Cửa Hàng KD Dược liệu Hiệp Phát
8	Diệp hạ châu	Thân tròn, màu xanh, phân nhánh đều, phiến lá hình bầu dục, màu xanh sẫm ở mặt trên, xanh nhạt ở mặt dưới.	Diệp hạ châu	Việt Nam	Cửa Hàng KD Dược liệu Hiệp Phát
9	Lactose	Bột kết tinh trắng, mịn, đồng nhất.	Tá dược	U.S.A	Công ty CP Hoá Chất Á Châu



STT	Tên nguyên liệu	Mô tả	Sản xuất thành phẩm thuốc	Xuất xứ	Tên nhà cung cấp
10	Stearat de Mg	Bột trắng mịn, nhẹ, sờ nhờn tay, không tan trong nước và Ethanol.	Tá dược	Malaysia	Công ty CP Hoá Chất Á Châu
11	Bột talc	Bột kết tinh màu trắng, mịn, đồng nhất, không tan trong nước.	Tá dược	Trung Quốc	Công ty TNHH TM Châu Quân
12	DST	Bột trắng, mịn, đồng nhất.	Tá dược	Hà Lan	Công ty TNHH Hoá Chất FD&C

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

b) Sự ổn định của các nguồn nguyên liệu, các mặt hàng:

Là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành dược liệu nên nguồn cung cấp nguyên liệu chủ yếu của Công ty là khá ổn định. Các nhà cung ứng cho Công ty đa số là các đối tác truyền thống đây là những doanh nghiệp đã hợp tác lâu dài với PP.Pharco. Mặt khác công ty là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành, có mức tiêu thụ nguyên liệu lớn nên Công ty có thuận lợi trong việc tìm kiếm các đối tác cung ứng lớn có uy tín trên thị trường. Vì vậy giá cả của các nguồn nguyên liệu là khá ổn định.

c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới Doanh thu lợi nhuận:

Tỷ trọng của các loại nguyên liệu trong cơ cấu giá thành các sản phẩm của PP.Pharco là khá cao, chi phí các loại dược liệu chiếm tới 50% giá thành sản phẩm, chi phí các loại tá dược chiếm 25%. Nguồn dược liệu đa số là xuất xứ từ Trung Quốc, đôi khi có biến động giá từ 5%-10% vì theo mùa thu hoạch các loại dược liệu, sự biến động này ảnh hưởng đến một vài loại sản phẩm mà Công ty sản xuất, do đó mức độ ảnh hưởng tăng giá nguyên liệu đến doanh thu Công ty cũng tùy thuộc vào mặt hàng mà Công ty có kế hoạch sản xuất trong năm.

Bảng IV.5.3c: Xu hướng biến động giá nguyên liệu đầu vào:

STT	Loại Nguyên Liệu	Tỷ lệ tăng giá bình quân mỗi năm
1	Các loại dược liệu	Từ 5% đến 10%
2	Các loại tá dược	Từ 3% đến 7%
3	Các loại bao bì	Từ 5% đến 7%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

Kể từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO đến nay, giá nguyên liệu có xu hướng tương đối ổn định, tuy nhiên khi giá cả nguyên liệu trên thị trường có biến động PP.Pharco



sẽ có các biện pháp kiểm soát giá nguyên vật liệu đầu vào và sự linh hoạt trong các phương pháp phân phối sẽ có ý nghĩa quyết định đến kết quả hoạt động của Công ty.

5.4. Chi phí kinh doanh

Chi phí kinh doanh của Công ty được thể hiện trong bảng sau:

Bảng IV.5.4: Chi phí kinh doanh

Đơn vị: VND

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
		Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần	Giá trị	% Doanh thu thuần
1	Giá vốn hàng bán	44.625.289.005	89,36%	61.119.938.049	91,62%	16.224.971.008	90,35%
2	Chi phí bán hàng	1.636.458.452	3,28%	2.035.352.135	3,05%	554.424.461	3,09%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.445.244.414	4,90%	2.786.956.430	4,18%	931.685.160	5,19%
4	Chi phí hoạt động tài chính	94.154.000	0,19%	82.788.497	0,12%	7.567.500	0,04%
TỔNG CỘNG		48.801.145.871	97,73%	66.025.035.111	98,97%	17.718.648.129	98,67%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

Quy trình kiểm soát chi phí tại Công ty luôn được tiến hành chặt chẽ trong những năm qua, PP.Pharco đã đạt được những thành quả nhất định trong việc kiểm soát chi phí, nhất là khoản chi phí bán hàng và chi phí hoạt động tài chính.

Nhờ kiểm soát tốt chi phí nên tỷ trọng chi phí bán hàng so với doanh thu giảm từ 3,82% năm 2008 xuống còn 3,28% năm 2009, năm 2010 tỷ lệ này giảm xuống chỉ còn 3,05%, quý I/2011 chi phí bán hàng là 3,09%.

Chi phí hoạt động tài chính giảm dần từ năm 2008 đến năm 2009, tỷ trọng Chi phí hoạt động tài chính so với doanh thu thuần giảm từ 0,29% xuống còn 0,19%, năm 2010 giảm còn 0,12% và quý I/2011 là 0,04%. Tuy nhiên do giá cả nguyên vật liệu năm 2009 tăng cao nên giá vốn hàng bán tăng lên khá cao, tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần năm 2009 là 89,36%, lên đến 91,62% năm 2010 và 90,35% trong quý I/2011. Qua tổng chi phí ta thấy chi phí những năm gần đây là khá cao, tuy nhiên chi phí tăng cao là do sự gia tăng giá cả nguyên vật liệu, đây là chi phí mà hầu

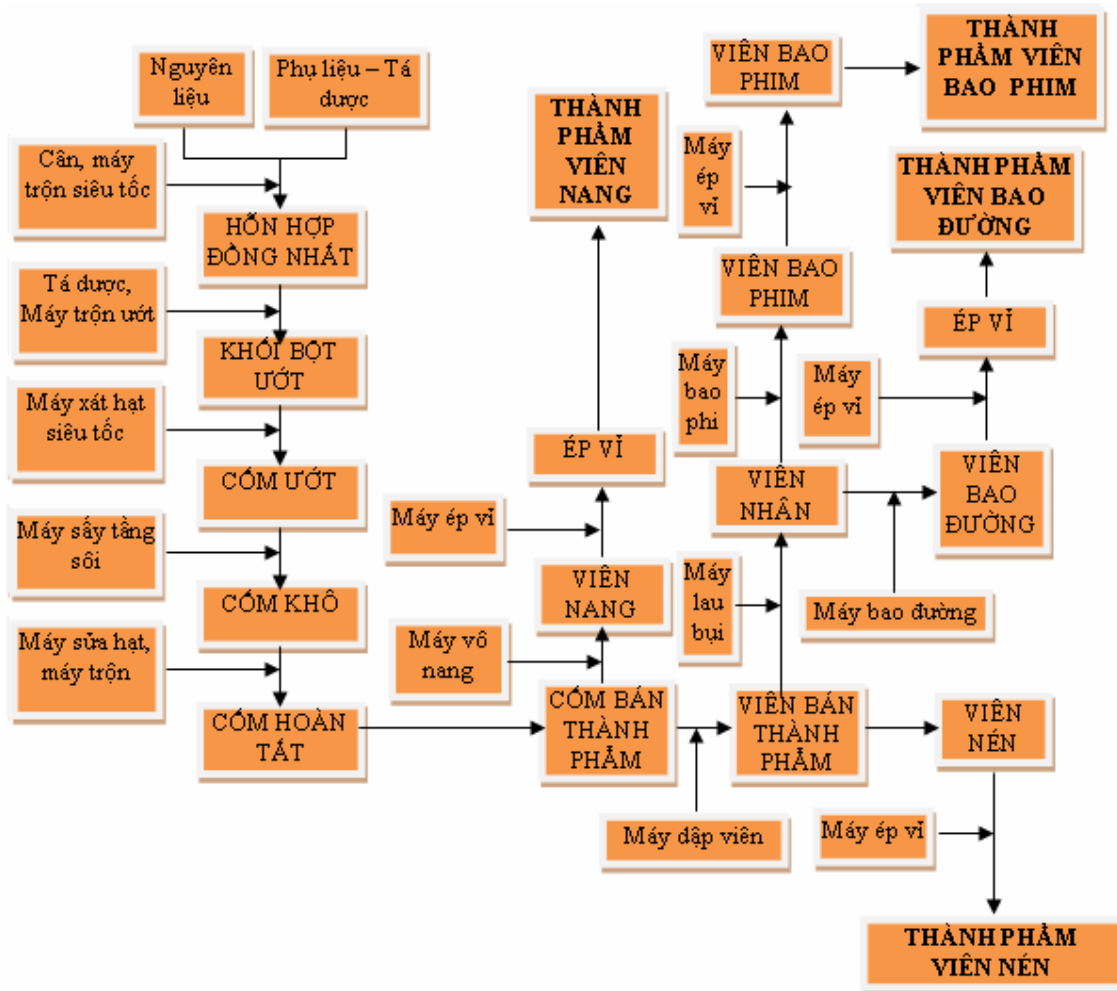


hết các công ty dược trên thị trường phải gánh chịu nên không ảnh hưởng nhiều đến tính cạnh tranh của Công ty.

5.5. Trình độ công nghệ

Công ty có dây chuyền được sản xuất khép kín và đầu tư tương đối hoàn chỉnh với các loại máy: máy trộn siêu tốc, máy làm cốm, máy xát hạt, máy sấy tầng sôi, máy dập viên các loại, máy ép vi, máy bao đường, máy bao phim, máy đóng gói,...

Sơ đồ IV.5.5: Sơ đồ mô tả công nghệ sản xuất thuốc viên



Nguồn: CTCP Dược phẩm Phong Phú

Công ty đã có phương án đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại trong đề án xây dựng nhà máy dược phẩm Tân Tạo, từng bước có kế hoạch trang bị những máy móc phục vụ chính cho dây chuyền sản xuất theo công nghệ hiện đại.



Công suất tối đa dây chuyền sản xuất hiện tại là 150 triệu viên/năm.

Hiện tại năng lực sản xuất năm 2009 sản xuất 135 triệu viên đạt 90% công suất dây chuyền; năm 2010: sản xuất 107 triệu viên đạt 71.33% công suất dây chuyền.

Vì Công ty chưa xây dựng hoàn thành nhà máy theo tiêu chuẩn GMP nên bị hạn chế sản lượng sản xuất. Thông tin dự án xây dựng nhà máy theo tiêu chuẩn GMP được trình bày tại mục IV.7.4. Bản cáo bạch này.

Bảng IV.5.5: Một số máy móc sản xuất chính

Dây chuyền, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Công dụng	Năm đưa vào sử dụng	Công suất thiết kế
Máy dập viên liên hoàn	01	Trung Quốc	Dập viên	2001	100.000 viên/2giờ
Máy dập viên IR-15	01	Thái Lan	Dập viên	1994	100.000 viên/4giờ
Máy dập viên Kalian 20	01	Đức	Dập viên	1999	100.000 viên/3giờ
Máy dập viên PZ-19	01	Trung Quốc	Dập viên	1998	100.000 viên/3giờ
Máy ép vi Compacker	01	Đức	Ép vi	1993	200.000 viên/giờ
Máy ép vi CP 160	01	Việt Nam	Ép vi	2000	100.000 viên/3 giờ
Máy sấy tầng sôi	01	Việt Nam	Sấy cốm	2002	100.000 viên/1 giờ
Máy đóng nang tự động	01	Trung Quốc	Vô nang	2004	100.000 viên/3 giờ
Máy bao phim	01	Việt Nam	Bao viên	2000	100.000 viên/2giờ
Máy bao đường	04	Việt Nam	Bao viên	1992	100.000 viên/2giờ

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

5.6. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe y tế của khách hàng, với các sản phẩm thuốc nội có chất lượng cao, giá cả hợp lý, cạnh tranh với các sản phẩm thuốc ngoại nhập. Công ty PP.Pharco đang tích cực nghiên cứu để chuyển đổi dần cơ cấu mặt hàng sang các mặt hàng đông dược, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm đồng thời công ty đẩy mạnh phát triển đội ngũ tiếp thị, tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ tại các đơn vị y tế tại các tỉnh, thành phố. Công ty đang đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hiện đại vào các bài thuốc cổ phương, các loại thuốc có nguồn gốc từ dược liệu trong nước để giảm bớt nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài. Hiện nay sản phẩm mới nhất của Công ty là sản phẩm Ích Thận Khang.



Bảng IV.5.6: Số lượng sản phẩm mới từng loại qua các năm

<i>Loại sản phẩm</i>	<i>2009</i>	<i>2010</i>	<i>2011(dự tính)</i>
Thuốc viêm xoang	60.000.000 viên	40.000.000 viên	40.000.000 viên
Thuốc viêm khớp	1.000.000 viên	2.000.000 viên	10.000.000 viên
Thuốc gan mật	70.000.000 viên	55.000.000 viên	50.000.000 viên
Thuốc bổ thận.	1.000.000 viên	6.000.000 viên	30.000.000 viên
Thuốc tiêu hoá	3.000.000 viên	4.000.000 viên	10.000.000 viên

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

Hàng năm bộ phận Nghiên cứu phát triển của Công ty nghiên cứu từ 2 đến 4 sản phẩm mới và không ngừng bổ sung thêm các dòng sản phẩm sẵn có của Công ty.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Là một doanh nghiệp trong ngành dược, với các sản phẩm là thuốc, chăm sóc sức khỏe con người, PP.Pharco luôn đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu. Những năm qua Công ty luôn không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu Tiêu chuẩn Việt Nam, đảm bảo cho mọi sản phẩm sản xuất tại Công ty khi đưa ra thị trường phù hợp với yêu cầu về mặt chất lượng.

Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm:

Công ty có Phòng đảm bảo chất lượng phụ trách kiểm nghiệm chất lượng, bộ phận này quản lý phòng Lab (kiểm nghiệm), có nhiệm vụ thực hiện kiểm nghiệm toàn bộ từ nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm ở các phân xưởng sản xuất, các kho dựa trên tiêu chuẩn sản xuất đã ban hành và áp dụng tại Công ty.

Phòng đảm bảo chất lượng cũng chủ trì việc phối hợp với các bộ phận có liên quan để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan về:

- Kiểm nghiệm thiết bị, dụng cụ sản xuất và kiểm nghiệm.
- Đánh giá nhà cung cấp.
- Điều tra xử lý sự cố.
- Kiểm tra môi trường.
- Đào tạo huấn luyện.
- Thu hồi, tái chế, thanh lý sản phẩm, nguyên phụ liệu bao bì.
- Xem xét khiếu nại khách hàng.
- Tự thanh tra.

5.8. Hoạt động Marketing

Xây dựng thương hiệu và quảng bá hình ảnh doanh nghiệp là hoạt động thường xuyên của PP.Pharco để nâng cao vị thế cạnh tranh của Doanh nghiệp trên thương trường.



Hiện tại Công ty tham gia các hội chợ nhằm quảng bá thương hiệu cho PP.Pharco, Vừa qua, Công ty đã tham gia hội chợ triển lãm Quốc tế Y Dược Việt Nam lần thứ 5 năm 2010 diễn ra từ 22/9/2010 đến 25/9/2010 tại Trung tâm triển lãm Quốc tế Tân Bình.

Về mạng lưới phân phối, hiện Công ty có 83 cửa hàng hợp tác kinh doanh dược phẩm trên khắp các quận huyện TP.HCM. Công ty vẫn sẽ tiếp tục củng cố mạng lưới kinh doanh, sắp xếp tổ chức lại các hiệu thuốc lẻ chuẩn bị đầu tư cho mô hình chuỗi nhà thuốc tốt (theo tiêu chuẩn GPP). Nhằm mở rộng thị trường, Công ty đã đầu tư tăng cường quảng cáo, giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng các mặt hàng thuốc đông dược đặc biệt là các sản phẩm đã có thương hiệu như: Nasalis, Chophytine, Kim tiền thảo, Enterofort...

5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền

Nhãn hiệu thương mại của Công ty: Biểu tượng Công ty đã được bảo hộ theo Giấy chứng nhận số 62581 theo Quyết định số A4566/QĐ-ĐK ngày 11/05/2005 của Cục Sở hữu Công nghiệp (Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường).

Thời gian bảo hộ : 10 năm

Biểu tượng :



PP.PHARCO

Ý nghĩa Logo:

- Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và sản xuất dược phẩm, các sản phẩm truyền thống của Công ty đều có nguồn gốc từ dược liệu thiên nhiên quý giá và vô cùng phong phú của nước ta. Chính vì thế, nhìn tổng thể cả logo mang một màu xanh thiên nhiên đầy sức sống.
- Nổi bật trên logo của Công ty là hình ảnh một bông hoa và hai chiếc lá tượng trưng cho nguồn dược liệu thiên nhiên vô cùng phong phú và đa dạng ở nước ta, cũng là nguồn gốc của hầu hết các sản phẩm truyền thống, đã làm nên thương hiệu của Công ty.
- Hình ảnh cách điệu biểu tượng của ngành Dược (hình con rắn uốn lượn quanh chiếc ly) với con rắn uốn lượn thành hình chữ E (Tiếng Anh: Eight, có nghĩa là số 8, chính là Quận 8 - nơi ra đời của Công ty, là nơi Công ty đặt trụ sở chính) và hai chiếc lá mềm mại hòa quyện với nhau cho thấy sự kết hợp tài tình trong chiến lược phát triển sản phẩm truyền thống phương Đông kết hợp với phương pháp sản xuất hiện đại của phương Tây để cho ra đời những sản phẩm có hiệu quả điều trị cao mà hạn chế các tác dụng phụ không mong muốn.
- Vòng tròn bên ngoài tượng trưng cho sự đoàn kết nhất trí, sự thống nhất trong tư tưởng và hành động của toàn Công ty và điều đó đã làm nên sức mạnh của thương hiệu PP.PHARCO.



5.10. Các hợp đồng lớn đang và đã thực hiện

Bảng IV.5.10: Các Hợp đồng lớn đang thực hiện

STT	SỐ HĐ	NGÀY KÝ HĐ	NỘI DUNG HỢP ĐỒNG	NGÀY ĐÁO HẠN	KHÁCH HÀNG	GIÁ TRỊ (VNĐ)
1	003/HĐ-KD	11/01/2010	Giao phân phối sản phẩm Nasalis	31/12/2010	Công Ty TNHH Dược Phẩm Quang Anh	3.510.000.000
2	009/HĐ-KD	15/03/2010	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2010	Công Ty Dược Trung Ương 3	Hợp đồng nguyên tắc
3	08/SPC-NL/2010	04/01/2010	Mua nguyên, phụ liệu để sx thuốc	31/12/2010	Công Ty Dược Sài Gòn	Hợp đồng nguyên tắc
4	33/KD-S/10-03	11/01/2010	Nhận phân phối dược phẩm	31/12/2010	Công ty Dược Phẩm 3/2 F.T.Pharma	500.000.000
5	69/NPL-NT-10	10/03/2010	Mua nguyên, phụ liệu để sx thuốc	31/01/2011	Công ty CP XNK Y Tế Domesco	Hợp đồng nguyên tắc
6	005/HĐ-KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Hợp đồng nguyên tắc
7	001/HĐ-KD	10/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công Ty TNHH DP Quang Anh	5.580.000.000
8	010/HĐ-KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công Ty TNHH DP Đại Quang	6.000.000.000
9	007/HĐ-KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công ty CP Dược phẩm Bến Tre	Hợp đồng nguyên tắc
10	017/HĐ-KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công ty TNHH Dược phẩm Hải Tâm	3.600.000.000
11	016/HĐ-KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công ty CP Dược phẩm Quận 10	6.000.0000.000
12	012/HĐ-KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công ty TNHH Dược phẩm An Tâm	Hợp đồng nguyên tắc
13	020/HĐ-KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công ty TNHH Dược phẩm An Tâm	300.000.000
14	006/HĐ-KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Công ty TNHH Dược phẩm Trung Nam	Hợp đồng nguyên tắc
15	004/HĐ-KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	DNTN Dược phẩm Thanh Tùng	Hợp đồng nguyên tắc



STT	SỐ HĐ	NGÀY KÝ HĐ	NỘI DUNG HỢP ĐỒNG	NGÀY ĐÁO HẠN	KHÁCH HÀNG	GIÁ TRỊ (VNĐ)
16	015/HĐ- KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Nhà thuốc Gia Hưng	Hợp đồng nguyên tắc
17	013/HĐ- KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Nhà thuốc Bảo Anh	Hợp đồng nguyên tắc
18	014/HĐ- KD	06/01/2011	Bán sản phẩm Công ty sản xuất	31/12/2011	Nhà thuốc Thiện Tâm	Hợp đồng nguyên tắc

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm 2009, 2010 và Quý I/2011

Bảng IV.6.1: Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		Quý I/2011
			Giá trị	% tăng giảm so với 2009	
1	Tổng giá trị tài sản	47.268.609.570	53.741.145.390	13,69%	55.921.190.312
2	Doanh thu thuần	49.939.314.826	66.713.518.423	33,59%	17.957.640.233
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.764.131.262	1.243.801.056	(29,49%)	359.209.918
4	Lợi nhuận khác	330.263.330	224.956.152	(31,89%)	76.196.844
5	Lợi nhuận trước thuế	2.094.394.592	1.468.757.208	(29,87%)	435.406.762
6	Lợi nhuận sau thuế	1.690.958.390	1.068.852.372	(36,79%)	362.555.071
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	65,05%	65,55%	0,50%	-

Nguồn: BCTCKT 2009, 2010 và BCTC Quý I/2011 của PP.Pharco

(*) Cổ tức đã thực hiện năm 2008 là 8%, năm 2009 là 5%. Năm 2010 dự kiến trả cổ tức là 3%, do đó, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức năm 2010 là 65,55% lợi nhuận sau thuế.

Trong giai đoạn 2008 – 2010 quy mô tài sản của PP.Pharco đã tăng khá mạnh, năm 2009 tăng 47,49% so với năm 2008. Năm 2009 tổng tài sản của PP.Pharco đã đạt hơn 47 tỷ đồng, và đến năm 2010, con số này đạt hơn 53,7 tỷ đồng. Tuy nhiên tổng tài sản tăng nhanh là do nợ phải trả tăng từ 18,753 tỷ đồng năm 2009 lên 24,071 tỷ đồng năm 2010. Đây là nguồn vay và nợ dài hạn từ Ngân hàng PT Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long – CN Chợ Lớn để huy động vốn cho dự án Xây dựng nhà máy



dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-WHO tại Long An. Hiện tại việc Xây dựng Nhà máy đã được thực hiện tại Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM.

Vì đây là dự án đang trong quá trình Xây dựng nhà máy dược phẩm GMP nên chưa có doanh thu vì vậy Doanh thu thuần của Công ty từ năm 2008 đến năm 2009 chỉ tăng 18,27%, trong khi đó lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm mạnh từ gần 3 tỷ năm 2008 xuống còn gần 1,7 tỷ năm 2009 và chỉ còn hơn 1 tỷ năm 2010. Năm 2009, 2010 là năm có nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh của Công ty do chưa có nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP, và việc tập trung xây dựng nhà máy GMP và thay đổi địa điểm xây dựng sang khu công nghiệp Tân Tạo, đóng tiền thuê đất một lần để có giá ưu đãi..., đã làm giảm nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Mặc dù doanh thu, sản lượng sản xuất và tiêu thụ đều tăng, nhưng lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2010 lại giảm so với năm 2009 do chi phí đầu vào như chi phí nguyên vật liệu, nhân công, quảng cáo, điện, nước,... của năm 2010 đều tăng lên so với năm 2009.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm qua.

a) Thuận lợi:

- Sản phẩm của Công ty có mẫu mã đẹp, chủng loại đa dạng, chất lượng đã được khẳng định trên thị trường, với thương hiệu đã được người tiêu dùng biết đến trên 20 năm nay, với gần 60 mặt hàng, trong đó Công ty đã nghiên cứu chuyển đổi 29 sản phẩm từ tân dược sang đông dược với chất lượng điều trị tốt.
- Công ty tiếp tục giữ vững mạng lưới kinh doanh, sắp xếp phát triển hệ thống bán lẻ, hiện tại Công ty có 83 chi nhánh trên khắp các quận huyện TP. HCM.
- Công ty có đội ngũ nhân viên có nhiều kinh nghiệm, cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý có chuyên môn tốt, lực lượng lao động lành nghề và thường xuyên được huấn luyện, đào tạo.

b) Khó khăn:

- Năm 2009 là năm có nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty do chưa có nhà máy tiêu chuẩn GMP, và việc tập trung vào việc xây dựng nhà máy GMP và thay đổi địa điểm xây dựng sang khu công nghiệp Tân Tạo, đóng tiền thuê đất một lần, đã làm giảm nguồn vốn lưu động kinh doanh của Công ty;
- Một số sản phẩm của Công ty tuy đã có thương hiệu nhưng do được sản xuất trên dây chuyền chưa đạt tiêu chuẩn GMP nên không thể tham gia đấu thầu cung cấp cho các bệnh viện;
- Công ty chỉ được phép sản xuất những sản phẩm đông dược có số đăng ký cũ, các sản phẩm tân dược không còn được phép sản xuất. Vì vậy ảnh hưởng đến việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm nhằm tạo thêm lợi thế cạnh tranh trên thị trường;



- Công ty không thể ký kết hợp đồng sản xuất nhượng quyền với các đối tác nước ngoài vì chưa có nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP, đồng thời cũng không thể tham gia vào lĩnh vực xuất khẩu dược phẩm vì chưa đạt tiêu chuẩn về GPs (GMP, GSP, GLP ...).
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm hiện tại của Công ty đang bị thu hẹp vì một số sản phẩm tân dược chủ lực chưa được cấp số đăng ký mới do dây chuyền sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn GMP.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Thế mạnh của PP.Pharco là các sản phẩm thuốc do Công ty sản xuất đã được thị trường đón nhận. Tuy nhiên so với các doanh nghiệp cùng ngành thì Công ty còn nhỏ với số vốn điều lệ chỉ có 23.355.000.000 đồng và chưa xây dựng được nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP. Hiện tại Công ty đang thực hiện triển khai xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP tại Khu Công nghiệp Tân Tạo, Tp. Hồ Chí Minh. Dự kiến năm 2011 Nhà máy được xây dựng xong và đi vào hoạt động vào cuối Quý II năm 2012.

Bảng IV.7.1. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2010 của PP.Pharco so với các Công ty cùng ngành

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	DHG	DMC	IMP	DCL	DHT	DBT	PPP	AMV
		CTCP Dược Hậu Giang	CTCP Xuất nhập khẩu y tế Domesco	CTCP Dược phẩm Imexpharm	CTCP Dược phẩm Cửu Long	CTCP Dược phẩm Hà Tây	CTCP Dược phẩm Bến Tre	CTCP Dược phẩm Phong Phú	CTCP SXKD và TBYT Việt Mỹ
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.798,436	765,433	750,750	859,454	265,864	214,233	53,741	30,501
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.053,471	1.042,984	763,995	702,921	543,175	433,710	66,714	10,176
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	379,014	81,926	80,465	56,218	15,428	10,948	1,069	1,899
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	269,130	178,093	116,598	99,137	41,226	30,000	23,355	21,000
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.278,174	545,626	589,231	325,845	101,220	73,284	29,670	22,894
EPS	Đồng	14.083	4.600	6.901	5.671	3.742	3.649	467	904
ROA	%	21,07%	10,70%	10,72%	6,54%	5,80%	5,11%	1,99%	6,22%
ROE	%	29,65%	15,02%	13,66%	17,25%	15,24%	14,94%	3,60%	8,29%

Nguồn: Woori CBV tổng hợp trên cơ sở BCTC Quý IV/2010 của các Công ty niêm yết đăng tải trên website của HSX và HNX.

Qua một số chỉ tiêu trong bảng IV.7.1 trên, có thể thấy so với một số công ty đang



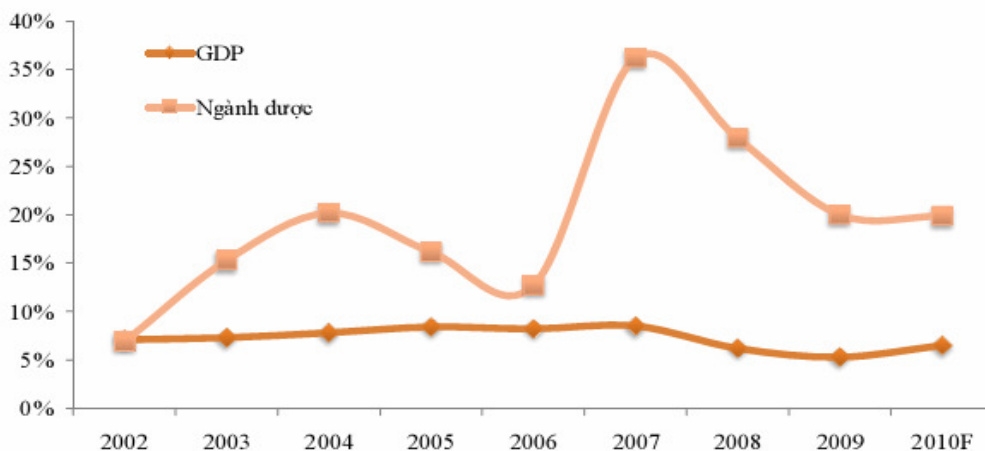
niêm yết tại HSX và HNX, PP.Pharco có vốn điều lệ nhỏ, chỉ cao hơn vốn điều lệ của AMV với 23,355 tỷ so với 21 tỷ của AMV và tổng tài sản 53 tỷ cao hơn khá nhiều so với 30 tỷ của AMV. Tuy nhiên lợi nhuận của PPP lại thấp hơn AMV và thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp niêm yết HSX và HNX. Nguyên nhân là do dự án Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP chưa hoạt động cũng đã ảnh hưởng đáng kể đến năng lực cạnh tranh của Công ty. Vì vậy, trong thời gian tới PP.Pharco sẽ tập trung xây dựng xong nhà máy và có kế hoạch tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực tài chính và quy mô hoạt động.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành sản xuất dược phẩm là một trong những ngành có tốc độ tăng trưởng và lợi nhuận biên cao của thế giới. Đây là một ngành có tỷ lệ sinh lời trên vốn khá cao, từ 30%-50% trên vốn điều lệ. Theo dự báo của BMI (Anh), ngành dược Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng bình quân 25%/năm trong các năm tới và đạt giá trị gần 2 tỷ USD vào năm 2013. Với 88 triệu dân số năm 2009 và sẽ tăng lên 100 triệu dân vào năm 2019, thu nhập và đời sống người dân Việt Nam đang được cải thiện và nhu cầu sử dụng thuốc tăng nhanh khiến cầu về thuốc ngày càng lớn. Với gần 200 doanh nghiệp, ngành dược trong nước chỉ đáp ứng gần 50% nhu cầu nội địa. Trong năm 2010, Việt Nam hướng tới mục tiêu sản xuất trong nước sẽ phục vụ được 60% nhu cầu của thị trường.

Theo đánh giá của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), công nghiệp dược Việt Nam ở mức đang phát triển, nhưng đa số phải nhập khẩu nguyên vật liệu, do đó nhìn nhận một cách khách quan có thể nói rằng công nghiệp dược Việt Nam vẫn ở mức phát triển trung bình – thấp. Cho đến năm 2009, chi tiêu cho y tế của Việt Nam chỉ chiếm 1,6% GDP. Như vậy, xét về quy mô ngành dược Việt Nam hiện nay vẫn rất nhỏ bé, và còn nhiều tiềm năng để phát triển.

Biểu đồ IV.7.2: Tốc độ tăng GDP và tăng doanh thu ngành Dược



Nguồn: Tổng Cục thống kê



Tại Việt Nam, chi tiêu của người dân cho dược phẩm và chăm sóc sức khỏe hiện còn rất thấp. Tính trên đầu người, trung bình một người Việt Nam trả 40,3USD cho chăm sóc y tế năm 2006, trong đó 11,2 USD là chi phí thuốc, năm 2007 là 46,1 USD với tiền thuốc chiếm 30%. Tổng giá trị sử dụng thuốc của Việt Nam năm 2008 đạt 1,4 tỷ USD, bình quân 16,45 USD/người/năm - tăng 22,8% so với năm 2007. Năm 2009, doanh số ngành dược ước tính đạt 1,6 tỷ USD, tăng 12% so với năm 2008. Tiêu thụ bình quân đầu người ở mức 18,6 USD/người/năm, tăng 13% so với năm 2008. Mức chi tiêu cho dược phẩm hiện nay là quá thấp so với các nước trong khu vực, chỉ bằng 1/5 của Thái Lan và 1/4 của Ấn Độ.

Mặc dù đã được phép nhập khẩu trực tiếp dược phẩm từ ngày 01/01/2009, nhưng các doanh nghiệp nước ngoài vẫn chưa được quyền phân phối trực tiếp. Do đó, các doanh nghiệp nước ngoài vẫn phải bán thuốc thông qua các doanh nghiệp trong nước. Theo lộ trình cam kết WTO, quy định này vẫn chưa được tháo dỡ trong năm 2010. Do đó, phân phối vẫn là lợi thế quan trọng của các công ty dược trong nước trong thời gian tới. Tuy nhiên các doanh nghiệp sản xuất dược Việt Nam lại phải đối mặt với vấn đề về nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất và sự biến động giá, đây là bất lợi không nhỏ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Nhu cầu đối với các sản phẩm ngành dược liên tục gia tăng trong khi quy mô ngành dược trong nước còn nhỏ bé cho thấy tiềm năng phát triển của thị trường dược phẩm. Đây là cơ hội tốt cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của ngành nói chung và PP.Pharco nói riêng.

7.3. Định hướng phát triển của Công ty

➤ Hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Năm 2011, Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú xác định mục tiêu trọng tâm là hoàn thành cơ bản dự án xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm Phong Phú theo tiêu chuẩn GMP-WHO tại KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt chú trọng Thị trường TP.HCM và các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ. Tăng cường hợp tác với các đối tác truyền thống nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty trên toàn quốc.
- Xây dựng và phát triển dòng sản phẩm mới: đó là các sản phẩm Thực phẩm chức năng và Thực phẩm bổ sung. Đây là dòng sản phẩm mà nhu cầu tiêu thụ của thị trường là rất lớn và đầy tiềm năng. Liên kết với các đối tác nhập khẩu và phân phối một số sản phẩm thực phẩm chức năng theo nhu cầu của thị trường.
- Xây dựng hoàn chỉnh Hệ thống phân phối (bao gồm các Hiệu thuốc bán buôn



và bán lẻ) nhằm đạt các tiêu chuẩn do Bộ Y tế qui định (GDP và GPP) để chuẩn hóa hoạt động và tăng cường khả năng kinh doanh của Hệ thống trên địa bàn TP.HCM.

- Cũng cố và phát triển mạng lưới các cộng tác viên, các nhà phân phối tại các tỉnh miền Đông và Tây Nam bộ, khu vực Tây nguyên. Hợp tác với các đối tác chiến lược trong việc mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm tại các tỉnh miền Trung và miền Bắc.
 - Đẩy mạnh việc tái cấu trúc lại Công ty, chuẩn hóa công tác quản lý và công tác tổ chức. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn giỏi, tập trung đầu tư việc nghiên cứu khoa học kỹ thuật, phát triển các sản phẩm Đông dược mới, có tính cạnh tranh cao trên thị trường.
- Hoạt động tiếp thị và quảng bá thương hiệu:
- Xây dựng đội ngũ trình dược viên chuyên nghiệp, có kiến thức chuyên môn tốt, kỹ năng làm việc hiệu quả, thật sự là người đại diện cho hình ảnh của PP.PHARCO.
 - Xây dựng Bộ nhận dạng thương hiệu PP.PHARCO nhằm nâng cao hiệu quả trong việc quảng bá hình ảnh Công ty và các sản phẩm truyền thống tạo nên thương hiệu PP.PHARCO.
 - Tăng cường việc quảng bá sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, truyền thanh, truyền hình, internet...). Bên cạnh đó, xây dựng những chương trình PR, khuyến mãi thật sự đa dạng và phong phú nhằm mang lại hiệu quả cao.
 - Hoàn chỉnh việc đầu tư nâng cấp website: www.phongphu.org, đây là kênh thông tin, quảng bá hình ảnh Công ty thiết thực và hiệu quả.
 - Thông qua website: www.phongphu.org từng bước phát triển việc bán hàng qua mạng.
- Hoạt động tài chính:
- Thực hiện kế hoạch chuyển cổ phiếu PPP sang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
 - Thực hiện kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu trong năm 2011 nhằm tăng cường nguồn vốn đầu tư cho Nhà máy.

7.4. Thông tin về dự án Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh đạt tiêu chuẩn GMP – WHO

- Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT DƯỢC PHẨM**
- Mục tiêu và quy mô dự án: Sản xuất thuốc chữa bệnh, cụ thể :
 - Sản xuất thuốc viên nén quy mô 116.000.000 viên/năm;



- Sản xuất thuốc viên bao đường quy mô 251.000.000 viên/năm;
- Sản xuất thuốc viên nang quy mô 98.000.000 viên/năm;
- Sản xuất thuốc viên bao phim quy mô 100.000.000 viên/năm;

➤ *Địa điểm thực hiện dự án:*

Nhà máy được xây dựng trên diện tích 5.600 m² nằm trong Khu công nghiệp Tân Tạo, Lô 12 Đường số 8, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh.

Đầu tư vào Khu Công nghiệp Tân Tạo, đơn vị được tiếp cận hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn quốc tế, có các dịch vụ tiện ích như:

- Điện: Được cấp từ trạm biến áp 110/15KV, trạm tiếp nhận 500KV đảm bảo cung cấp điện đầy đủ và ổn định.
- Nước: Hệ thống nước máy và hệ thống điều hòa mạng lưới cung cấp riêng cho Khu Công nghiệp.
- Khu ngoại quan: Cung cấp các dịch vụ xuất khẩu, vận tải, giao nhận ngoại thương phục vụ xuất khẩu hàng hóa.

➤ *Tổng vốn đầu tư: 75.600.390.397 (Bảy mươi lăm tỷ sáu trăm triệu ba trăm chín mươi ngàn ba trăm chín mươi bảy) đồng Việt Nam.*

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 23.600.390.397 (Hai mươi ba tỷ sáu trăm triệu ba trăm chín mươi ngàn ba trăm chín mươi bảy) đồng Việt Nam, góp bằng tiền. Tiến độ góp vốn: Đến tháng 02/201.

➤ *Thời gian hoạt động của dự án: Đến ngày 16/08/2050*

➤ *Tiến độ thực hiện dự án:*

- Xây dựng nhà xưởng: Đến tháng 12/2011
- Lắp đặt máy móc thiết bị: Tháng 01/2012 – 03/2012
- Thời gian thẩm định Nhà máy đạt tiêu chuẩn: Tháng 03/2012 – 06/2012
- Sản xuất chính thức: Từ tháng 06/2012

➤ *Sự cần thiết phải đầu tư:*

Qua phân tích những yếu tố trên, việc xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP – WHO là mục tiêu quan trọng nhất mà Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú phải phấn đấu thực hiện trong thời gian sắp tới nhằm tận dụng những thuận lợi sẵn có và giải quyết triệt để những khó khăn, vướng mắc hiện tại để tiếp tục tồn tại và phát triển.

Sự cần thiết phải đạt được mục tiêu quan trọng này thể hiện cụ thể ở những điểm sau:

- Thực hiện đúng theo quy định của Bộ Y Tế về lộ trình xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP – WHO.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng.



- Nâng cao thương hiệu Công ty, làm tăng khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường dược phẩm ngày càng khốc liệt thời hậu WTO.
- Mở rộng khả năng hợp tác sản xuất nhượng quyền sản phẩm với các đối tác nước ngoài, tham gia vào các hoạt động xuất nhập khẩu dược phẩm.
- Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

➤ *Tổng hợp dự toán*

Bảng IV.7.4a: Bảng tổng hợp dự toán

Stt	Khoản mục chi phí	Giá trị xây lắp trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Giá trị xây lắp sau thuế
1	Chi phí xây dựng công trình chính	24.669.331.444	2.466.933.144	27.136.264.588
2	Chi phí xây dựng công trình tạm phục vụ thi công	246.693.314	24.669.331	271.362.646
3	Chi phí khác thuộc dự toán			848.549.827
4	Chi phí Quản lý dự án, tư vấn đấu thầu & chi phí khác thuộc Tổng dự toán			1.810.667.255
5	Dự phòng phí (10%)			3.006.684.432
6	Chi phí dự phòng trượt giá vật tư, vật liệu xây dựng (5%)			1.356.813.229
TỔNG CỘNG				34.430.341.977
7	Chi phí thuê đất, san lấp mặt bằng			22.824.648.000
8	Tổng giá trị đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị			17.545.400.420
9	Chi phí thẩm định nhà máy theo tiêu chuẩn GMP			800.000.000
TỔNG MỨC VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN				75.600.390.397

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

➤ *Nguồn vốn*

Bảng IV.7.4b: Nguồn vốn đầu tư của dự án

STT	Khoản mục	Đơn vị tính	Giá trị
1	Vốn tự có và tiền thu từ đợt phát hành	Đồng	23.500.000.000
2	Vốn vay ngân hàng	Đồng	52.100.390.397
Tổng mức vốn đầu tư		Đồng	75.600.390.397

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú



➤ Các chỉ tiêu chính:

Bảng IV.7.4c: Các chỉ tiêu kinh tế của dự án

STT	Khoản mục	Đơn vị tính	Giá trị
1	Tổng vốn đầu tư	Đồng	75.600.390.397
2	Thời gian xây dựng	Năm	2
3	Thời gian hoạt động của dự án	Năm	Đến 16/08/2050
4	Giá trị hiện thực NPV	Đồng	90.493.632.869
5	Tỷ suất thu hồi nội bộ IRR	%	28
6	Thời gian thu hồi vốn	Năm	6 năm 7 tháng

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty (tại thời điểm 30/04/2011)

Tổng số lao động của Công ty là 112 người, cơ cấu lao động được thể hiện trong bảng sau:

Bảng IV.8.1: Cơ cấu lao động tại thời điểm 30/04/2011

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ chuyên môn	112	100,00%
- Đại học	18	16,07%
- Cao đẳng, Trung cấp	47	41,96%
- Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	47	41,96%
II. Phân theo đối tượng lao động	112	100,00%
- Lao động trực tiếp	91	81,25%
- Lao động gián tiếp	21	18,75%
III. Phân theo dạng HĐLĐ	112	100,00%
- Hợp đồng không XD thời hạn	42	37,50%
- Hợp đồng xác định thời hạn	70	62,50%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

8.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Thời giờ làm việc của Nhân viên Công ty là 48 tiếng/tuần. Khi cần thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh người sử dụng lao động và người lao động thoả thuận làm thêm giờ, chế độ làm thêm giờ được thực hiện theo quy định của



Công ty trên cơ sở quy định của Luật Lao động. Hàng năm Công nhân trực tiếp sản xuất được cung cấp từ 02-03 bộ đồ bảo hộ lao động. Công ty luôn tạo điều kiện môi trường vệ sinh công nghiệp tốt cho khu vực sản xuất trực tiếp. Khâu văn phòng trang bị đầy đủ thiết bị quản lý cho nhân viên thực hiện công việc đạt hiệu quả.

Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo định kỳ mỗi năm một lần.

b) Chính sách đào tạo

Đào tạo về chuyên môn: Công ty luôn động viên và có chính sách gửi nhân viên tham gia các lớp về chuyên môn nghiệp vụ ngành từ sơ cấp, trung cấp, đại học.. tùy theo tính yêu cầu công việc cần đào tạo Công ty tạo điều kiện về thời gian học tập.

Đào tạo về quản lý: Trong công tác quản lý, nhằm thực hiện nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý, Công ty có chính sách gửi nhân viên tham gia các lớp quản lý ngắn ngày, theo chuyên đề phục vụ cho công việc quản lý như: Chứng khoán, quản lý dự án, quản lý đầu tư xây dựng, đấu thầu, các lớp về tiêu chuẩn ngành dược: GMP, GLP, GSP, GDP, GPP.

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ;
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình của Công ty.

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty trả lương theo năng lực, trách nhiệm, khoán công việc, khoán doanh thu, sản phẩm, lợi nhuận. Lương ngoài giờ trả đúng theo quy định Luật lao động quy định hiện hành.

Công ty xét tăng lương theo chức vụ được phân công, theo thâm niên công tác, theo năng lực đảm trách công việc; đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng, trình độ và đóng góp của từng người đối với Công ty. Công ty thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.

Chính sách thưởng: Công ty có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty. Công ty có chính sách bình chọn các danh hiệu thi đua như: Đề bạt chức vụ cao hơn, xét đề nghị các danh hiệu cao nhất như: Thầy thuốc nhân dân, Bằng khen Chính phủ, Huân chương lao động, Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, cấp cơ sở, các Bằng khen Thành phố, Bằng, Giấy khen ... đối tượng cho các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phát huy cao độ năng suất làm việc, có sáng kiến cải tiến phương pháp làm việc, tận tụy vì Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: 100% CBCNV Công ty được hưởng đầy đủ chế độ BHXH-BHYT đúng quy định hiện hành. Chế độ nghỉ phép được thực hiện đúng theo quy



định của Bộ Luật Lao động hiện hành. Các mức chi thăm hỏi, hiếu, hỷ, trợ cấp khó khăn cho người lao động được trích từ Quỹ phúc lợi. Hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi thăm quan du lịch bằng quỹ phúc lợi trích lại hàng năm.

9. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng IV.9: Tình hình phân phối cổ tức 2 năm gần nhất:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010 (dự kiến)
1.	Vốn điều lệ	22.000.000.000	22.000.000.000	23.355.000.000
2.	Số lượng cổ phiếu	2.200.000	2.200.000	2.335.500
3.	Tỷ lệ cổ tức	8%	5%	3%
4.	Cổ tức (tính trên mỗi cổ phần) đồng/cổ phần	800	500	300

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

Năm 2010 Công ty dự kiến chi trả cổ tức 3% bằng tiền mặt (300 đồng/cổ phần) và sẽ thực hiện chi trả vào tháng Quý II/2011.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 – Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 206/2003/QĐ – BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:



Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao<năm>

- Nhà cửa vật kiến trúc	20 - 50
- Máy móc và thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
- Phần mềm máy tính	04 - 06

b) *Mức lương bình quân*

Bảng IV.10.1b: Lương và thu nhập bình quân của người lao động

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Năm	2008	2009	2010
Mức lương bình quân	1.807.800	2.312.700	3.000.000
Thu nhập bình quân	2.300.000	2.700.000	3.500.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

c) *Thanh toán các khoản nợ đến hạn*

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

d) *Các khoản phải nộp theo luật định*

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

e) *Trích lập các quỹ*

Việc trích lập các quỹ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định. Theo đó:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung nguồn vốn mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi: dùng để khen thưởng cho người lao động có thành tích như có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, có năng suất lao động cao... và khen thưởng cuối năm, cuối quý. Phần phúc lợi dùng để chi trợ cấp khó khăn, nghỉ mát, phong trào văn hóa văn nghệ...

Bảng IV.10.1e1: Tình hình trích lập các quỹ tại PP.Pharco các năm 2008, 2009

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	% LNST	Giá trị	% LNST
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	2.904.157.094		1.690.958390	
Quỹ dự phòng tài chính	145.207.855	5%	84.547.920	5%
Quỹ đầu tư phát triển	290.415.709	10%	169.095.839	10%



Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	% LNST	Giá trị	% LNST
Quỹ khen thưởng phúc lợi	290.415.709	10%	169.095.839	10%
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	145.207.855	5%	84.547.920	5%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2009, 2010 của PP.Pharco

Năm 2011 Công ty chưa tổ chức ĐHCĐ thường niên do đó Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế 2010.

Bảng IV.10.1e2: Số dư các quỹ tại PP.Pharco tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.320.226.059	1.781.790.911	1.087.040.271
Quỹ dự phòng tài chính	524.781.584	609.329.504	662.772.123
Quỹ đầu tư phát triển	1.319.658.445	1.488.754.285	1.595.639.522
Quỹ khen thưởng phúc lợi	49.737.562	(32.785.325)	(35.340.088)
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	145.207.855	229.755.775	283.198.394
Tổng cộng	4.359.611.505	4.076.845.150	3.593.310.222

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2009, 2010 và BCTC Quý I/2011 của PP.Pharco

f) Tình hình đầu tư tài chính

Bảng IV.10.1f: Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Khoản mục	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
I	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	1.000.000.000
1.	Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-	-
2.	Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)	4.000.000.000	4.000.000.000	1.000.000.000
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-	-
	Tổng Cộng	4.000.000.000	4.000.000.000	1.000.000.000

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2009 và 2010 và BCTC Quý I/2011 của PP.Pharco



Công ty không có khoản đầu tư tài chính dài hạn và đầu tư chứng khoán. Toàn bộ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn.

g) Tổng dư nợ vay ngân hàng

Bảng IV.10.1g: Số dư nợ vay ngân hàng tại thời điểm 31/12/2010 và 31/03/2011

STT	Hợp đồng vay	Loại vay	Đối tượng cho vay	Mục đích vay	Lãi suất (hiện tại)	Dư nợ 31/12/2010 (VND)	Dư nợ 31/03/2011 (VND)
1.	Hợp đồng D.A.0141.09/HĐTD Hợp đồng D.D.0198.09/HĐTD	Vay dài hạn VND	Ngân hàng MHB Chi nhánh Chợ Lớn - HCM	Vay dự án xây dựng nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP tại Tân Tạo	17,5%	20.614.726.192	20.829.204.508
2.		Vay dài hạn VND	Vay huy động CBCNV	Sản xuất kinh doanh	15%	83.000.000	236.200.000
Tổng cộng						20.697.726.192	21.065.404.508

Nguồn: CTCP Dược phẩm Phong Phú

Công ty không có các khoản vay quá hạn và toàn bộ các khoản vay là vay dài hạn. Khoản vay Ngân hàng MHB Chi nhánh Chợ Lớn – HCM là khoản tiền vay đầu tư dự án xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn GMP của W.H.O tại Tân Tạo và được giải ngân theo tiến độ.

Đối với Hợp đồng vay số D.A.0141.09/HĐTD ký ngày 28/07/2009, số tiền vay là 15 tỷ đồng đã được giải ngân cho mục đích nhận chuyển nhượng QSDĐ tại KCN Tân Tạo Tp.HCM để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn trả gốc là 60 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 28/07/2016. Trả lãi bắt đầu từ 08/2009, lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo quy định lãi suất cho vay do MHB chi nhánh Chợ Lớn công bố từng thời kỳ.

Đối với Hợp đồng vay số D.A.0198.09/HĐTD ký ngày 21/09/2009, số tiền vay là 37 tỷ đồng tài trợ cho mục đích xây dựng Nhà máy. Hợp đồng đã được giải ngân một phần là 5.614.726.192 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng tính từ 28/07/2009, thời gian ân hạn trả gốc là 60 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 28/07/2016. Lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo quy định lãi suất cho vay do MHB chi nhánh Chợ Lớn công bố từng thời kỳ.

Tổng giá trị vay của hai hợp đồng trên để tài trợ dự án được Ngân hàng duyệt là 52 tỷ đồng. Trong đó, 50 tỷ đồng được cấp bù lãi suất theo Chương trình kích cầu của



Chính Phủ. Dự án “Xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh (non-Betalactam) theo tiêu chuẩn GMP” của Công ty được phê duyệt cấp bù lãi suất theo quyết định số 4728/QĐ-UBND của UBND Tp. Hồ Chí Minh ngày 14/10/2009. Thông tin tóm tắt về Dự án được trình bày ở mục VI.7.4.

h) Tình hình công nợ hiện nay

Bảng IV.10.h1: Các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	3.427.500.501	9.737.288.456	10.860.115.196
- Phải thu từ khách hàng	3.028.206.542	3.976.786.344	5.129.430.976
- Trả trước cho người bán	109.170.003	5.346.214.792	5.436.910.000
- Phải thu nội bộ	-	-	-
- Phải thu khác	290.123.956	414.287.320	293.774.220
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
II. Các khoản phải thu dài hạn	268.547.051	352.291.751	339.117.406
- Phải thu dài hạn khách hàng	-	-	-
- Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
- Phải thu dài hạn nội bộ	268.547.051	352.291.751	339.117.406
- Phải thu dài hạn khác	-	-	-
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-
Tổng cộng (I+II)	3.696.047.552	10.089.580.207	11.199.232.602

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2009, 2010 và Quý I/2011 của PP.Pharco

Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng năm 2009 tăng cao so với năm 2008 từ hơn 1,2 tỷ năm 2008 lên đến hơn 3 tỷ năm 2009, điều này cho thấy tình hình quản lý khoản phải thu không được thuận lợi như năm 2008. Năm 2010, phải thu ngắn hạn khách hàng đã lên tới hơn 3,9 tỷ đồng.

Các khoản phải thu chủ yếu là các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng chiếm 81,93% tổng các khoản phải thu tại 31/12/2009; chiếm 39,41% tổng các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2010 và chiếm 45,80% so với tổng các khoản phải thu tại thời điểm 31/03/2011. Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tại 31/12/2010 và 31/03/2011 giảm xuống so với 31/12/2009 là do tỷ trọng các khoản trả trước người bán tăng, các khoản trả trước người bán chiếm 2,95% tổng các khoản phải thu tại 31/12/2009, chiếm 52,99% tại 31/12/2010 và chiếm 48,55% tại 31/03/2011.



Bảng IV.10.1.h2: Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2009, 31/12/2010 và 31/03/2011

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
I.	Nợ ngắn hạn	2.271.698.064	2.948.788.722	5.252.135.494
1.	Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-
2.	Phải trả cho người bán	1.298.848.891	2.084.991.517	3.675.729.779
3.	Người mua trả tiền trước	-	16.720	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	417.849.173	276.403.483	282.416.314
5.	Phải trả công nhân viên	-	-	-
6.	Chi phí phải trả	-	-	-
7.	Phải trả nội bộ	555.000.000	555.000.000	555.000.000
8.	Các khoản phải trả phải nộp khác	-	65.162.327	774.329.489
9.	Quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	(32.785.325)	(35.340.088)
II.	Nợ dài hạn	16.431.800.000	21.122.226.192	21.497.904.508
1.	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-
2.	Phải trả dài hạn khác	426.500.000	424.500.000	414.500.000
3.	Vay và nợ dài hạn	16.005.300.000	20.697.726.192	21.065.404.508
	- Vay ngân hàng dài hạn	15.075.900.000	20.614.726.192	20.829.204.508
	- Vay của CBCNV	929.400.000	83.000.000	236.200.000
	Tổng cộng	18.703.498.064	24.071.014.914	26.732.040.002

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2009, 2010 và Quý I/2011 của PP.Pharco

(*) Căn cứ vào Thông tư 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi kế toán một số nghiệp vụ kinh tế, bổ sung kế toán các nghiệp vụ kinh tế mới phát sinh chưa được quy định trong Chế độ kế toán doanh nghiệp, ban hành ngày 31/12/2009 và có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký. Số hiệu tài khoản 431 – Quỹ khen thưởng, phúc lợi đổi thành tài khoản 353. Do đó, tại thời điểm 31/12/2009 chưa chịu sự điều chỉnh của Thông tư 244/2009/TT-BTC.

Các khoản phải trả năm 2009 tăng mạnh so với năm 2008, tăng từ hơn 4,296 tỷ năm 2008 lên hơn 18,7 tỷ năm 2009, trong đó nợ dài hạn tăng nhanh nhất từ hơn 2,766 tỷ năm 2008 lên đến hơn 16 tỷ năm 2009. Nợ dài hạn của Công ty là khoản vay tín dụng Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng SCL (MHB) – CN Chợ Lớn. Đây là khoản vay để xây dựng Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP. Ngoài ra Công ty còn vay dài hạn cán bộ



công nhân viên để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất huy động là 15%. Tại thời điểm 31/12/2010 khoản dư nợ này chỉ còn 83.000.000 VNĐ, đến 31/03/2011 khoản này là 236.200.000 VNĐ.

Các khoản phải trả dài hạn khác năm 2009 là 426.500.000 đồng, năm 2010 là 424.500.000 đồng và 31/13/2011 là 414.500.000 đồng, đây là các khoản ký quỹ ký cược dài hạn của các hiệu thuốc của Công ty.

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng IV.10.2: Chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	7,22	7,55
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	5,16	5,97
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,40	0,45
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,66	0,81
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
- Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	8,30	12,97
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân:	1,26	1,32
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,39%	1,60%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	6,04%	3,67%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	4,26%	2,12%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,53%	1,86%
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (Mệnh giá :10.000đ/CP)		
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (đồng/cổ phần)	768,62	457,65

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2009 và 2010 của PP.Pharco

Lưu ý: Để thuận tiện cho việc so sánh các chỉ tiêu tài chính, khoản mục Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2009 đã được điều chỉnh lên mục Nợ phải trả để tính toán các



chỉ tiêu tài chính.

Nhìn chung năm 2010, Công ty đã duy trì được một cơ cấu tài chính khá ổn định so với năm 2009. Điều này thể hiện qua các chỉ tiêu thanh toán và các chỉ tiêu cơ cấu vốn. Năm 2010, hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn tăng nhẹ từ 7,22 lên 7,55, trong khi đó hệ số thanh toán nhanh tăng từ 5,16 lên 5,97 so với năm 2009. Đối với chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty, các chỉ số thanh toán nhanh và thanh toán ngắn hạn vẫn đều ở mức tốt (>5) trong năm 2009, 2010. Điều này chứng tỏ công ty có khả năng đáp ứng được yêu cầu thanh toán gấp các khoản phải trả cũng như khoản nợ ngắn hạn.

Về hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty, từ các chỉ số có thể thấy năm 2009 là năm công ty hoạt động có hiệu quả hơn, do đây là năm có tỷ suất sinh lời cao nhất trong 2 năm 2009 và 2010. Năm 2010, do những khó khăn chung của nền kinh tế, do hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn, tỷ suất sinh lời trong năm 2010 đã giảm sút hơn so năm 2009 ở những chỉ tiêu chính. Tuy nhiên, sự sụt giảm này chủ yếu do nhân tố khách quan nền kinh tế và nó cũng hợp lý đối với một công ty đang phát triển mở rộng như PP.Pharco.

11. Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên:

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	- Chủ tịch HĐQT
Ông Thái Nhã Ngôn	- Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Khôi	- Thành viên
Ông Hồ Vinh Hiển	- Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	- Thành viên
Bà Trần Lệ Thu	- Thành viên
Ông Bùi Thanh Tùng	- Thành viên

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

Bà Lê Thị Thảo Hương	- Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Mạnh Hà	- Thành viên
Ông Võ Văn Khôi	- Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc gồm 02 thành viên:

Ông Hồ Vinh Hiển	- Tổng Giám đốc
------------------	-----------------



Ông Lê Văn Khôi - Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Bà Trần Lệ Thu - Kế toán Trưởng

11.2. Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

a) Chủ tịch HĐQT – Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

- Họ và tên: *Nguyễn Thị Bích Ngọc*
- Giới tính: *Nữ*
- Số CMND/Hộ chiếu: *020096034* ngày cấp: *22/08/2008* nơi cấp: *CA Tp.HCM*
- Ngày tháng năm sinh: *09/02/1952*
- Nơi sinh: *Thạch Hà - Thạch Việt - Hà Tĩnh*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Hà Tĩnh*
- Địa chỉ thường trú: *452 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, TP.HCM*
- ĐT liên lạc ở cơ quan: *(84-8) 3855 0908*
- Trình độ văn hóa: *12/12*
- Trình độ chuyên môn: *Dược sĩ Đại học*
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1983 - 1996: Chủ nhiệm Hiệu thuốc Quốc doanh Quận 8
 - + Từ năm 1996 - 2000: Giám đốc Công ty Dược phẩm Quận 8
 - + Từ năm 2000 đến tháng 07 năm 2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc PP.Pharco
 - + Từ tháng 07 năm 2010 đến nay: *Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty*
- Chức vụ hiện tại: *Chủ tịch Hội đồng quản trị PP.Pharco*
- Chức vụ tại các tổ chức khác : *không*
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2010:
 - Sở hữu cá nhân: 81.160 cổ phần (chiếm 3,48% vốn điều lệ)*
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần*
- Các khoản nợ đối với Công ty : *Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật : *Không*
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: *Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: *Không*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty:



TT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 14/01/2011
1	Nguyễn Phúc Tâm	Cha	1.300
2	Đàm Việt Hải	Con	2.000
3	Nguyễn Thị Thủy	Em ruột	6.000
4	Nguyễn Phúc Thọ	Em ruột	1.000

b) Phó Chủ tịch HĐQT - Ông Thái Nhã Ngôn

- Họ và tên: *Thái Nhã Ngôn*
- Giới tính: *Nam*
- Số CMND: *024586337* ngày cấp: *25/07/2006* nơi cấp: *CA Tp.HCM*
- Ngày tháng năm sinh: *12/03/1974*
- Nơi sinh: *Tiểu Cần - Trà Vinh*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Hoa*
- Quê quán: *Tiểu Cần - Trà Vinh*
- Địa chỉ thường trú: *416 đường Tên Lửa Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM*
- ĐT liên lạc ở cơ quan: *(84-8) 3863 3862*
- Trình độ văn hóa: *12/12*
- Trình độ chuyên môn: *Cử nhân kinh tế - Dược sĩ trung cấp*
- Quá trình công tác :
 - + Từ năm 1996 - 2006: Nhân viên Công ty TNHH Dược phẩm Đàm San
 - + Từ năm 2006 đến nay: Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Dược phẩm Quang Anh
 - + Từ năm 2008 đến tháng 6 năm 2010: Thành viên Hội đồng quản trị PP. Pharco
 - + Từ tháng 06 năm 2010 đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị PP.Pharco.
- Chức vụ hiện tại: *Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị PP.Pharco.*
- Chức vụ tại các tổ chức khác : *Không*
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:
 - Sở hữu cá nhân: 80.690 cổ phần (chiếm 3,45% vốn điều lệ)*
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần*
- Các khoản nợ đối với Công ty : *Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật : *Không*
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: *Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: *Không*



- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: *Không*
- c) Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Đình Thắng**
 - Họ và tên: *Nguyễn Đình Thắng*
 - Giới tính: *Nam*
 - Số CMND: *023281578* ngày cấp: *21/06/2008* nơi cấp: *CA Tp.HCM*
 - Ngày tháng năm sinh: *12/05/1960*
 - Nơi sinh: *An Hải, Hải Phòng*
 - Quốc tịch: *Việt Nam*
 - Dân tộc: *Kinh*
 - Quê quán: *Hải Phòng*
 - Địa chỉ thường trú: *127/11 Bùi Minh Trực, Phường 5, Quận 8, TP.HCM*
 - ĐT liên lạc ở cơ quan: *(84-8) 3756 2080*
 - Trình độ văn hóa: *12/12*
 - Trình độ chuyên môn: *Trung cấp cơ khí*
 - Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1989 - 2004: Nhân viên cơ khí PP.Pharco
 - + Từ năm 2004 đến tháng 12 năm 2009: Giám đốc Công ty TNHH Cơ khí Dược Tuấn Thắng
 - + Từ năm 2008 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị PP.Pharco
 - Chức vụ hiện tại: *Thành viên Hội đồng quản trị PP.Pharco.*
 - Chức vụ tại các tổ chức khác : *Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cơ khí Dược Tuấn Thắng*
 - Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:
 - Sở hữu cá nhân: 114.800 cổ phần (chiếm 4,92% vốn điều lệ)*
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần*
 - Các khoản nợ đối với Công ty : *Không*
 - Hành vi vi phạm pháp luật : *Không*
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: *Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.*
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: *Không*
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: *Không*
- d) Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Ông Hồ Vinh Hiển**
 - Họ và tên: *Hồ Vinh Hiển*
 - Giới tính: *Nam*
 - Số CMND: *022017384* ngày cấp: *11/01/2005* nơi cấp: *CA Tp.HCM*



- Ngày tháng năm sinh: 31/08/1969
 - Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Bến Tre
 - Địa chỉ thường trú: 302/1 bis Hai Bà Trưng, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM
 - ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 3855 0908
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học
 - Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1994 - 2007: Trưởng Phòng kinh doanh PP.Pharco
 - + Từ năm 2005 đến năm 2007: Thành viên Hội đồng quản trị PP.Pharco
 - + Từ năm 2007 đến tháng 06 năm 2010: Thành viên Hội đồng quản trị PP.Pharco kiêm Phó Giám đốc kinh doanh PP.Pharco
 - + Từ tháng 07 năm 2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị PP.Pharco-Tổng Giám đốc PP.Pharco.
 - Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc PP.Pharco
 - Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
 - Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:
 - Sở hữu cá nhân: 27.600 cổ phần (chiếm 1,18% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 152.869 cổ phần (Đại diện phần vốn Nhà nước)
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không
- e) Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Ông Lê Văn Khôi**
- Họ và tên: Lê Văn Khôi
 - Giới tính: Nam
 - Số CMND: 023841137 ngày cấp: 01/12/2009 nơi cấp: CA Tp.HCM
 - Ngày tháng năm sinh: 11/04/1960
 - Nơi sinh: Long An
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh



- Quê quán: *Long An*
- Địa chỉ thường trú: *40/13/13 Tô Hiệu, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, TP.HCM*
- ĐT liên lạc ở cơ quan: *(84-8) 3855 0908*
- Trình độ văn hóa: *12/12*
- Trình độ chuyên môn: *Dược sĩ Đại học*
- Quá trình công tác:
 - + *Từ năm 1985 - 1990: Tổ trưởng Tổ pha chế Khoa Dược Quân Y Viện 7A*
 - + *Từ năm 1991 - 1999: Thủ kho PP.Pharco*
 - + *Từ năm 2000 - 2003: Quản đốc PP.Pharco*
 - + *Từ năm 2003 đến nay: Phó Giám đốc sản xuất PP.Pharco*
 - + *Từ năm 2005 đến tháng 06 năm 2010: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị PP.Pharco kiêm Phó Giám Đốc sản xuất PP.Pharco.*
 - + *Từ tháng 07 năm 2010 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc sản xuất PP.Pharco.*
- Chức vụ hiện tại: *Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc PP.Pharco*
- Chức vụ tại các tổ chức khác : *Không*
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:
 - Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần (chiếm 0,43% vốn điều lệ)*
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần*
- Các khoản nợ đối với Công ty : *Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật : *Không*
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: *Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: *Không*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: *Không*

f) Thành viên HĐQT - Ông Bùi Thanh Tùng

- Họ và tên: *Bùi Thanh Tùng*
- Giới tính: *Nam*
- Số CMND: *023090571* ngày cấp: *27/09/2007* nơi cấp: *CA Tp.HCM*
- Ngày tháng năm sinh: *18/08/1973*
- Nơi sinh: *Hải Dương*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Hải Phòng*



- Địa chỉ thường trú: 89 Nguyễn Tri Phương, Phường 7, Quận 5, TP.HCM
 - ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 3981 4844
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học – Cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1995 – 2003: Nhân viên Công ty Dược phẩm Sapharco
 - + Từ năm 2003 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Vĩnh Tường Phát.
 - + Từ năm 2008 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị PP.Pharco
 - Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị
 - Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Vĩnh Tường Phát.
 - Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:
 - Sở hữu cá nhân: 71.800 cổ phần (chiếm 3,07% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không
- g) Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng – Bà Trần Lệ Thu**
- Họ và tên: Trần Lệ Thu
 - Giới tính: Nữ
 - Số CMND: 021057274 ngày cấp: 19/09/2000 nơi cấp: CA Tp.HCM
 - Ngày tháng năm sinh: 18/08/1961
 - Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Xã Mỹ Thạnh, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre
 - Địa chỉ thường trú: 148 Ba Đình, Phường 10, Quận 8, TP.HCM
 - ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 3855 0908
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
 - Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1981 - 2000: Nhân viên Kế toán Công ty Dược phẩm Quận 8.
 - + Từ tháng 08/2000 - tháng 03/2003: Nhân viên Kế toán PP. Pharco.



- + Từ tháng 03/2003 đến nay: Thành viên thường trực Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng PP.Pharco.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên thường trực Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng PP.Pharco
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:
Sở hữu cá nhân: **24.100** cổ phần (chiếm 1,03% vốn điều lệ)
Sở hữu đại diện: **152.869** cổ phần (Đại diện phần vốn Nhà nước)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Thù lao hàng năm do ĐHCĐ thường niên thông qua.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty:

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Số cổ phần nắm giữ</i>
1	Dương Hiếu Trung	Chồng	1.000
2	Dương Hiếu Nguyệt Thanh	Con	2.000

h) Trưởng Ban kiểm soát - Bà Lê Thị Thảo Hương

- Họ và tên: Lê Thị Thảo Hương
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 201498041 ngày cấp: 23/05/2001 nơi cấp: CA Đà Nẵng
- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1985
- Nơi sinh: Hòa Hiệp, Liên Chiểu, Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hòa Hiệp, Liên Chiểu, Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: Hoà Hiệp, Liên Chiểu, Đà Nẵng
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38550 908
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác: + Từ năm 2008 đến nay : Chuyên viên tài chính –Phòng Đầu Tư Tài Chính Công Ty TNHH MTV Dược Sài Gòn.
+ Từ tháng 07/2010 đến nay: Trưởng Ban Kiểm Soát PP.Pharco
- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm Soát PP.Pharco
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:



Sở hữu cá nhân: **100** cổ phần (chiếm 0,004% vốn điều lệ)

Sở hữu đại diện: **0** cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty : *Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật : *Không*
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: *Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: *Không*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: *Không*

i) Thành viên Ban kiểm soát - Nguyễn Mạnh Hà

- Họ và tên: *Nguyễn Mạnh Hà*
- Giới tính: *Nam*
- Số CMND: *025066471* ngày cấp: *22/12/2008* nơi cấp: *CA Tp.HCM*
- Ngày tháng năm sinh: *20/03/1968*
- Nơi sinh: *Hà Tĩnh*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Hà Tĩnh*
- Địa chỉ thường trú: *13/10 Tân Sơn, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM*
- ĐT liên lạc ở cơ quan: *(84-8) 3855 0908*
- Trình độ văn hóa: *12/12*
- Trình độ chuyên môn: *Dược sĩ Đại học*
- Quá trình công tác:
 - + *Từ năm 1988 – 1997: Công tác tại Sư đoàn 367 Phòng không.*
 - + *Từ năm 1997 – 2000: Sinh viên Trường Đại học Y Dược TP.HCM*
 - + *Từ năm 2000 đến tháng 07 năm 2010: Trưởng Phòng Kiểm nghiệm PP.Pharco.*
 - + *Từ tháng 07 năm 2010 đến nay: Trưởng Phòng Nghiên cứu phát triển PP.Pharco.*
 - + *Từ năm 2004 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát PP.Pharco*
- Chức vụ hiện tại: *Thành viên Ban kiểm soát PP.Pharco, Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển PP.Pharco*
- Chức vụ tại các tổ chức khác: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:
 - Sở hữu cá nhân: **2.000** cổ phần (chiếm 0,09% vốn điều lệ)
 - Sở hữu đại diện: **0** cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty : *Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật : *Không*



- Thù lao và các khoản lợi ích khác: *Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: *Không*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: *Không*

j) Thành viên Ban kiểm soát - Võ Văn Khôi

- Họ và tên: *Võ Văn Khôi*
- Giới tính: *Nam*
- Số CMND: *023938549* ngày cấp: *05/07/2001* nơi cấp: *CA Tp.HCM*
- Ngày tháng năm sinh: *24/02/1948*
- Nơi sinh: *Quảng Ngãi*
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Dân tộc: *Kinh*
- Quê quán: *Quảng Ngãi*
- Địa chỉ thường trú: *230/3C1 Lê Văn Thọ Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM.*
- ĐT liên lạc ở cơ quan: *(84-8) 3855 0908*
- Trình độ văn hóa: *12/12*
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác:
 - + *Từ năm 1979- 1981: Giáo viên Trường Trung cấp Kế toán tài chính Quảng Ngãi.*
 - + *Từ năm 1982-1990: Nhân viên Công Ty Dược Quảng Ngãi.*
 - + *Từ năm 1991-2000: Nhân viên kinh doanh Công ty PP.Pharco.*
 - + *Từ năm 2000 đến nay: Nhân viên kinh doanh Công ty PP.Pharco.*
 - + *Từ tháng 07 năm 2010 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát PP.Pharco*
- Chức vụ hiện tại: *Thành viên Ban kiểm soát PP.Pharco*
- Chức vụ tại các tổ chức khác: *Không*
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 14/01/2011:
 - Sở hữu cá nhân: 37.150 cổ phần (chiếm 1,59% vốn điều lệ)*
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần*
- Các khoản nợ đối với Công ty : *Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật : *Không*
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: *Theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.*
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch: *Không*
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: *Không*



12. Tài sản

a. Đất đai, Nhà xưởng

Bảng IV.12a: Đất đai, nhà xưởng của Công ty

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Diện tích sàn	Diện tích xây dựng	Tình trạng	Ghi chú
1	Trụ sở Công ty	30 – 32 đường Phong Phú, Phường 12, Quận 8, TP.HCM	131,90 m ²	615,60 m ²	Thuê đất (đến năm 2020) Đang thực hiện chuyển sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Công ty đã được chấp thuận chủ trương chuyển từ thuê đất 20 năm sang giao đất có thu tiền sử dụng đất theo công văn số 6810/UBND-ĐTMT, Công ty đã nhận được Thông báo số 13278/STC-NS về giá trị quyền sử dụng đất mặt bằng số 30-32 Phong Phú
2	Nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP	Lô 12 Đường số 8, Khu CN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp HCM.	5.600 m ²		Thuê đất đến 16/08/2050	Nhà máy đã khởi công xây dựng vào ngày 24/12/2010 và dự kiến chính thức đi vào hoạt động sau Quý II/2012
3	Dự án Tổng kho	Khu Công nghiệp Hải Sơn (tỉnh Long An)	6.000 m ²	3.582 m ²	Giao đất 05/2007, sử dụng đến năm 2056	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất (Nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Hải Sơn)
4	Xưởng Sản xuất Dược	179 Phong Phú, P.11 Quận 8, Tp HCM	397,10 m ²		Thuê đất hàng năm, số tiền hàng năm là 10.520.500 đồng	Khu đất này nằm trong dự án giải tỏa kênh rạch, chỉnh trang đô thị Quận 8, dự án đến năm 2013, Công ty sẽ di dời nhà máy sang Khu công nghiệp Tân Tạo.
5	Hiệu thuốc số 1	543 Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, TP.HCM	30,00 m ²	100,44 m ²	Thuê đất 5 năm (đến năm 2012)	
6	Hiệu thuốc số 2	327 IJ Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, TP.HCM	43,30 m ²	86,6 m ²	Thuê đất hàng năm	Khu đất này nằm trong dự án giải tỏa kênh rạch, chỉnh trang đô thị Quận 8, dự án đến năm 2013
7	Hiệu thuốc số 3	623 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, TP.HCM	49,50 m ²	96,84 m ²	Thuê đất 5 năm (đến năm 2012)	



TT	Đơn vị	Địa chỉ	Diện tích sàn	Diện tích xây dựng	Tình trạng	Ghi chú
8	Hiệu thuốc số 72	2114 Phạm Thế Hiển, Phường 6, Quận 8, TP.HCM	65,50 m ²	100,52 m ²	Thuê đất hàng năm	
9	Hiệu thuốc số 5	313 Bình Đông, Phường 15, Quận 8, TP. HCM	68,20 m ²	120,62 m ²	Thuê đất 5 năm (đến năm 2012)	
10	Hiệu thuốc số 7	11 Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP.HCM	37,10 m ²	105,36 m ²	Thuê đất 5 năm (đến năm 2012)	
11	Hiệu thuốc 8	132 Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, TPHCM	45,10 m ²	129,35 m ²	Thuê đất 5 năm (đến năm 2012)	

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

b. Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán 2010:

Bảng IV.12b1: Tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	3.924.769.588	5.481.064.720	841.674.717	253.423.315		10.500.932.340
2. Tăng trong kỳ		15.000.000		23.144.273	219.047.619	257.191.892
3. Giảm trong kỳ						
4. Số dư cuối kỳ	3.924.769.588	5.496.064.720	841.674.717	276.567.588	219.047.619	10.758.124.232
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	1.867.651.256	4.135.676.218	111.906.167	164.954.036		6.280.187.677
2. Tăng trong kỳ	162.957.332	256.068.702	84.167.490	31.928.594	219.047.619	754.169.737
3. Giảm trong kỳ						
4. Số dư cuối kỳ	2.030.608.588	4.391.744.920	196.073.657	196.882.630	219.047.619	7.034.357.414
III. Giá trị còn lại						
1. Số đầu năm	2.057.118.332	1.345.388.502	729.768.550	88.469.279		4.220.744.663
2. Số cuối kỳ	1.894.161.000	1.104.319.800	645.601.060	79.684.958		3.723.766.818

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010



Bảng IV.12b2: Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	TSCĐ vô hình khác	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	219.047.619	15.000.000	234.047.619
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	219.047.619	-	219.047.619
4. Số dư cuối kỳ	-	15.000.000	15.000.000
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	219.047.619	3.500.000	222.547.619
2. Tăng trong kỳ	-	3.000.000	3.000.000
3. Giảm trong kỳ	219.047.619	-	219.047.619
4. Số dư cuối kỳ	-	6.500.000	6.500.000
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	-	11.500.000	11.500.000
2. Số cuối kỳ	-	8.500.000	8.500.000

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2010

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011-2013

13.1. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ

Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
<ul style="list-style-type: none"> - Công ty có cơ cấu sản phẩm đã khẳng định được thương hiệu, được tiêu dùng rộng rãi trên địa bàn TP. HCM. - Công ty hoạt động trong ngành dược là ngành dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân, đây là lĩnh vực có nhiều tiềm năng và được Nhà nước quan tâm. - Đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty giàu kinh nghiệm, lực lượng công nhân sản xuất lành nghề, được huấn luyện, đào tạo thường xuyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện tại Công ty vẫn đang sản xuất thuốc trên dây chuyền chưa đạt tiêu chuẩn GMP nên không thể cung cấp thuốc cho các bệnh viện. - Công ty không tham gia lĩnh vực xuất nhập khẩu dược phẩm vì chưa đạt tiêu chuẩn GPs (GMP, GSP, GLP...) - Công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng nhà máy GMP nên chưa thể ký kết hợp đồng sản xuất nhượng quyền với các đối tác nước ngoài. - Các sản phẩm tân dược từng là sản phẩm chủ lực của Công ty nay chưa được cấp số đăng ký mới do dây chuyền sản xuất chưa đạt tiêu chuẩn GMP.



Cơ Hội (O)	Thách thức (T)
<ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam là một nước có dân số đông với hơn 80 triệu dân, và dự báo tăng lên đến 100 triệu dân vào năm 2019, đây là thị trường tiềm năng cho các Công ty về dược phẩm. - Các Công ty dược phẩm trong nước buộc phải tuân thủ theo tiêu chuẩn GMP nên đây là cơ hội để PP.Pharco tham gia vào hoạt động xuất khẩu và cung ứng thuốc cho các bệnh viện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Để tham gia lĩnh vực xuất khẩu đòi hỏi Công ty phải xây dựng cơ sở hạ tầng, đổi mới dây chuyền công nghệ, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ công nhân viên. - Nhanh chóng hoàn thiện nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP, đạt được các tiêu chuẩn GPs (GMP, GSP, GLP..)

13.2. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011 – 2013

Bảng IV.13.2: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011-2013

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011		2012		2013	
		Giá trị (VND)	% tăng, giảm so với 2010	Giá trị (VND)	(%) tăng giảm so với 2011	Giá trị (VND)	(%) tăng giảm so với 2012
Vốn điều lệ	23.355	23.355	0%	58.355	149,86%	58.355	0%
Vốn chủ sở hữu	29.632	29.889	0,87%	65.721	119,88%	66.625	1,38%
Tổng Doanh thu thuần	66.719	70.000	4,92%	96.000	37,14%	147.563	53,71%
Lợi nhuận sau thuế	1.096,5	2.775	153,08%	3.013,5	8,59%	8.219,25	172,75%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	1,64%	3,96%	141,46%	3,14%	(20,71%)	5,57%	77,39%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	3,70%	9,28%	150,81%	4,59%	(50,54%)	12,34%	168,85%
Tỷ lệ chi trả cổ tức trên mệnh giá (*)	3%	5%	66,67%	3%	(40,00%)	10%	233,33%

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú

() Tỷ lệ trả cổ tức tính trên số cổ phần năm 2010, 2011 là 2.335.500 cổ phần, năm 2012, 2013 là 5.835.500 cổ phần.*

Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Trên cơ sở chiến lược phát triển chung của toàn Công ty, việc xây dựng kế hoạch của PP.Pharco căn cứ vào chiến lược phát triển chung của ngành, căn cứ vào dự báo tốc độ tăng trưởng của Doanh nghiệp hàng năm, bức tranh của nền kinh tế những năm tới.



Cơ sở để Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú đề ra mục tiêu này là do:

- Căn cứ vào dự báo tốc độ tăng trưởng, chiến lược phát triển kinh tế của Chính phủ trong các năm tiếp theo, nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hồi phục, đây là nhân tố thuận lợi đối với nhiều ngành kinh tế nói chung trong đó có ngành Dược nói riêng.
- Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng doanh thu ngành dược trung bình khoảng 15%-20%/năm. Do đó doanh thu Công ty năm 2011 dự báo tăng trưởng gần 5% và tăng trưởng khoảng 15%/năm trong năm 2012 và 2013.
- Nhà máy sản xuất Dược phẩm Phong Phú đã được khởi công xây dựng vào 24/12/2010 tại Lô số 12, Đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM. Công ty dự kiến kế hoạch xây dựng từ tháng 01/2011 đến cuối quý II năm 2012 dự án hoàn thành. Vì vậy từ Quý III năm 2012, 2013 Doanh thu và lợi nhuận dự kiến tăng mạnh do nhà máy đã hoàn thành đi vào hoạt động. Công ty có thể tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm cho các bệnh viện, ký kết hợp đồng sản xuất nhượng quyền với các đối tác nước ngoài, tham gia vào lĩnh vực xuất nhập khẩu dược phẩm.
- Sau khi hoàn thành dự án nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP, Công ty sẽ xin cấp lại số đăng ký mới cho các sản phẩm tân dược chủ lực đây là những sản phẩm từng mang lại nguồn lợi nhuận lớn cho Công ty
- Năm 2011, Công ty có kế hoạch chuyển nhượng khu đất diện tích 6.000 m² tại CN Hải Sơn, tỉnh Long An thu về khoản thu nhập về lợi nhuận khác khoảng 2 tỷ đồng. Đây cũng là nguyên nhân khiến lợi nhuận sau thuế năm 2011 tăng cao hơn so với năm 2010, tăng 153,08% so với lợi nhuận sau thuế 2010, trong khi doanh thu chỉ tăng gần 5% so với 2010.
- Trong năm 2010 Công ty đã xin được giấy phép sản xuất Thực phẩm chức năng và sẽ tiến hành triển khai sản xuất sản phẩm này năm 2011, dự kiến đây sẽ là mặt hàng mang lại thêm doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- Năm 2012 dự kiến hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ bổ sung cho kinh phí đầu tư xây dựng nhà máy. Theo kế hoạch trên dự kiến tăng 35 tỷ, số lượng cổ phần năm 2012, 2013 là 5.835.500 cổ phần. Chi trả cổ tức dự kiến năm 2012 là 3% thấp hơn năm 2011.
- Năm 2013, hoạt động của Nhà máy đi vào ổn định hơn sẽ đem lại hiệu quả kinh doanh tốt, Công ty dự kiến sẽ chi trả mức cổ tức 8%-10%.
- Tổng Tài sản từ năm 2011, 2012, 2013 tăng do khoản vay ngân hàng thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-WHO, được Ngân sách thành phố HCM cấp bù lãi suất. Ngoài ra, tổng tài sản năm 2012 tăng thêm do kế hoạch tăng thêm vốn điều lệ 35 tỷ.



Do đó, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong các năm tới là rất khả thi. Ngoài ra, sự mở rộng kinh doanh các mặt hàng mới trong thời gian tới sẽ cung cấp thêm cho PP.Pharco nhiều hợp đồng mới.

14. **Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận**

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về tình hình hoạt động kinh doanh mà Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú đang hoạt động cũng như khả năng tăng trưởng của ngành.

Theo định hướng tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của Quốc hội và sự kỳ vọng vào quá trình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong tương lai, sự hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, căn cứ vào tốc độ tăng trưởng doanh thu ngành dược trung bình khoảng 15%-20%/năm, ngành dược sẽ còn phát triển mạnh hơn nữa trong thời gian tới và do đó, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty có khả năng tăng trưởng cao.

Cơ cấu doanh thu, chi phí được xây dựng trên nền tảng kết quả thực tế các năm hoạt động trong giai đoạn 2008 - 2010 kết hợp với dự báo các yếu tố biến động trong điều kiện bình thường của thị trường và quy mô hoạt động của Công ty trong tương lai. Công ty đã tính toán đầy đủ các yếu tố chi phí (bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí hoạt động tài chính và chi phí khấu hao) trong kế hoạch doanh thu - lợi nhuận. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng khác tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đề ra trong 3 năm 2011 - 2013 là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. **Thông tin về những cam kết chưa thực hiện được của Công ty**

Không có.

16. **Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới giá cổ phiếu của Công ty**

Không có.



17. Các thông tin phát hành liên quan đến giá cổ phiếu của Công ty

Không có.

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

- | | |
|---|--------------------|
| 1. Loại cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông |
| 2. Mệnh giá | 10.000 đồng |
| 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến niêm yết | 2.335.500 cổ phiếu |
| 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật | |

Hạn chế chuyển nhượng đối với Nhân sự chủ chốt:

Căn cứ theo Khoản 1đ, Điều 8, Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên là đại diện nắm giữ.

Số lượng cổ phiếu của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đang nắm giữ tại thời điểm 14/01/2011 là **449.400 cổ phần**. Số lượng cổ phần này bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% trong vòng 06 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết.

Bảng V.4: Số lượng cổ phần của các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng cam kết nắm giữ trong vòng 06 tháng và 01 năm kể từ ngày niêm yết

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Số lượng CP cam kết nắm giữ trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Số lượng CP cam kết nắm giữ trong vòng 01 năm kể từ ngày niêm yết
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT	81.160	81.160	40.580
2	Thái Nhã Ngôn	Phó chủ tịch HĐQT	80.690	80.690	40.345
3	Hồ Vinh Hiến	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	27.600	27.600	13.800
4	Lê Văn Khôi	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	10.000	10.000	5.000



TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Số lượng CP cam kết nắm giữ trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Số lượng CP cam kết nắm giữ trong vòng 01 năm kể từ ngày niêm yết
5	Nguyễn Đình Thăng	Thành viên HĐQT	114.800	114.800	57.400
6	Bùi Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	71.800	71.800	35.900
7	Trần Lệ Thu	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	24.100	24.100	12.050
8	Lê Thị Hương Thảo	Trưởng Ban kiểm soát	100	100	50
9	Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên BKS	2.000	2.000	1.000
10	Võ Văn Khôi	Thành viên BKS	37.150	37.150	18.575
	Tổng cộng		449.400	449.400	224.700

Nguồn: CTCP Dược phẩm Phong Phú

5. Phương pháp tính giá:

✚ Phương pháp Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 31/12/2009 (mệnh giá 10.000 đồng)

Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là: 22.000.000.000 đồng

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu (trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi)(*)}}{\text{(Tổng số cổ phần - cổ phiếu quỹ)}} = \frac{28.515.373.943}{2.200.000} = \mathbf{12.962 \text{ đồng/CP}}$$

Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 31/12/2010 (mệnh giá 10.000 đồng)

Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 là: 23.355.000.000 đồng

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{(Tổng số cổ phần - cổ phiếu quỹ)}} = \frac{29.670.130.476}{2.335.500} = \mathbf{12.704 \text{ đồng/CP}}$$

(*) Căn cứ vào Thông tư 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi kế toán một số nghiệp vụ kinh tế, bổ sung kế toán các nghiệp vụ kinh tế mới phát sinh chưa được quy định trong Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 31/12/2009 và có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký. Số hiệu tài khoản 431 – Quỹ khen thưởng, phúc lợi đổi thành tài khoản 353. Do đó, giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009 chưa chịu sự điều chỉnh của Thông tư 244.



Giá trị sổ sách một cổ phần tại ngày 31/03/2011 (mệnh giá 10.000 đồng)

Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/03/2011 là: 23.355.000.000 đồng

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{(\text{Tổng số cổ phần} - \text{cổ phiếu quỹ})} = \frac{29.189.150.310}{2.335.500} = 12.498 \text{ đồng/CP}$$

✚ Phương pháp P/B

Giá tham chiếu của cổ phiếu CTCP Dược phẩm Phong Phú được tính toán dựa theo các phương pháp so sánh tương đối P/B. Chỉ số P/B bình quân ngành dược được sử dụng để tính toán là chỉ số bình quân giản đơn theo các số liệu tổng hợp tại các Website của hai Sở Giao dịch HSX và HNX. Căn cứ vào dữ liệu một số doanh nghiệp tiêu biểu trong ngành dược hiện tại đang niêm yết chứng khoán tại HNX và HSX, Chúng tôi đưa ra bảng sau:

Bảng V.5.1: Mức bình quân hệ số P/B của các doanh nghiệp ngành dược

Mã chứng khoán	Công ty	EPS năm 2010 (VND)	Giá thị trường tại ngày 31/03/2011 (VND)	Giá trị sổ sách (BV) tại ngày 31/03/2011 (VND)	P/B
DHG	CTCP Dược Hậu Giang	14.083	117.000	50.834	2,30
DMC	CTCP Xuất nhập khẩu y tế Domesco	4.600	22.800	28.846	0,79
IMP	CTCP Dược phẩm Imexpharm	6.901	46.900	43.632	1,07
DCL	CTCP Dược phẩm Cửu Long	5.671	23.200	33.143	0,70
DHT	CTCP Dược phẩm Hà Tây	3.742	35.100	25.095	1,40
DBT	CTCP Dược phẩm Bến Tre	3.649	23.900	25.164	0,95
	Bình quân				1,20

Nguồn: Woori CBV tổng hợp từ BCTC và số liệu giao dịch của các công ty tại website HSX và HNX

Tính đến 31/03/2011, Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của PP.Pharco là 12.498 đồng/cổ phần, khối lượng cổ phần lưu hành là 2.335.500 cổ phần.

Giá cổ phiếu của PP.Pharco theo phương pháp P/B là: 12.498 x 1,20 = **14.998** đồng/cổ phần



✚ Phương pháp chiết khấu luồng tiền (FCFE)

Các giả định khi định giá theo phương pháp chiết khấu luồng tiền:

- PPP ban đầu khi chưa có dự án Xây dựng Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP: Năm 2011 tốc độ tăng trưởng doanh thu dự kiến là 5%, tốc độ tăng trưởng doanh thu năm 2012 và năm 2013 là 15% (theo kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2011-2013 của Công ty đã được ĐHĐCĐ bất thường ngày 22/01/2011 thông qua). Những năm tiếp theo từ 2014 – 2018 giả định tốc độ tăng trưởng doanh thu cố định là 7%/năm, từ năm 2019 đến cuối kỳ định giá tốc độ tăng trưởng ổn định 6%/năm.
- Khi dự án Xây dựng Nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP đi vào hoạt động quý III/2012 và hoạt động ổn định năm 2013. Các dữ liệu được dự báo trên cơ sở số liệu khi chưa có dự án cộng thêm doanh thu, lợi nhuận mà dự án mang lại theo như đề án xây dựng nhà máy GMP. Doanh thu năm 2012 được lấy 1/3 doanh thu tính theo năm bắt đầu dự án đi vào hoạt động do dự án bắt đầu hoạt động vào cuối năm 2012 và doanh thu dự báo năm 2012 khi chưa có dự án. Các năm tiếp theo doanh thu và lợi nhuận sẽ là số liệu tổng của Doanh thu khi chưa có dự án và 95% doanh thu của dự án mang lại theo số liệu từ đề án xây dựng nhà máy GMP của Công ty (do có những rủi ro có thể phát sinh nên doanh thu của dự án điều chỉnh lấy 95%).

Căn cứ vào Báo cáo tài chính các năm của PPP và dự báo dòng tiền, doanh thu và lợi nhuận của PPP từ năm 2011 đến 2018 ta có bảng sau:



Bảng V.5.2: Ước tính doanh thu thuần của Công ty (đơn vị tính: đồng)

	2009	2010	2011F	2012F	2013F	2014F	2015F	2016F	2017F	2018F
Doanh thu thuần chưa có dự án	49.939.314.826	66.713.518.423	70.002.494.881	80.502.869.113	92.578.299.480	99.058.780.444	105.992.895.075	113.412.397.730	121.351.265.572	129.845.854.162
Doanh thu mà dự án mang lại thêm				16.320.000.000	57.879.000.000	67.688.000.000	76.149.000.000	84.610.000.000	84.610.000.000	84.610.000.000.00
Doanh thu thuần dự tính = Doanh thu chưa có dự án + 95% * Doanh thu mà dự án mang lại	49.939.314.826	66.713.518.423	70.002.494.881	96.006.869.113	147.563.349.480	163.362.380.444	178.334.445.075	193.791.897.730	201.730.765.572	210.225.354.162

Nguồn: Woori CBV tổng hợp và dự báo dựa trên BCTC kiểm toán 2009, 2010 và Đề án Xây dựng Nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP của PP.Pharco

Bảng V.5.3: Vốn lưu động và Vốn cố định của Công ty (đơn vị tính: đồng)

Vốn lưu động	2009	2010	2011 F	2012F	2013F	2014F	2015F	2016F	2017F	2018F	2019F
Doanh thu thuần	49.939.314.826	66.713.518.423	70.002.494.881	96.006.869.113	147.563.349.480	163.362.380.444	178.334.445.075	193.791.897.730	201.730.765.572	210.225.354.162	
Tăng trưởng	18,27%	33,59%	4,93%	37,15%	53,70%	10,71%	9,16%	8,67%	4,10%	4,21%	6%
Giá vốn hàng bán	44.625.289.005	61.119.938.049	63.002.245.393	78.416.124.034	125.387.815.843	135.385.171.661	145.144.568.189	155.454.295.276	166.227.596.959	171.443.672.972	
Các khoản phải thu ngắn hạn trung bình	2.327.793.992	6.582.394.479	4.387.473.910	11.352.289.022	9.137.002.335	9.941.539.646	10.517.978.871	11.349.708.129	12.175.615.300	12.695.648.776	
Hàng tồn kho trung bình	5.377.775.304	4.712.837.012	6.747.972.391	7.523.645.098	11.839.414.848	12.962.943.297	14.283.539.722	15.489.661.212	16.772.197.029	17.556.635.193	
Tài sản ngắn hạn khác trung bình	1.675.040.074	2.631.291.148	2.169.491.678	2.637.030.472	5.288.282.821	5.824.534.160	6.362.816.409	6.966.719.327	7.572.617.531	7.851.790.176	
Tổng tài sản ngắn hạn trừ tiền và tương đương tiền	9.380.609.370	13.926.522.638	13.304.937.979	21.512.964.592	26.264.700.004	28.729.017.103	31.164.335.001	33.806.088.667	36.520.429.860	38.104.074.145	
Tổng các khoản phải trả ngắn hạn trừ vay và nợ	1.691.476.731	2.610.243.393	2.833.543.371	3.133.493.625	5.777.323.843	6.401.924.429	7.009.188.592	7.631.443.815	8.284.697.949	8.618.924.345	
Vay và nợ ngắn hạn trung bình	-	0	366.133.923	371.381.486	459.866.659	564.107.353	644.295.266	676.562.189	702.544.951	737.527.001	
Vay và nợ dài hạn trung bình	9.385.928.000	18.351.513.096	52.100.390.397	52.100.390.397	52.100.390.397	52.100.390.397	41.680.312.318	31.260.234.238	20.840.156.159	10.420.078.079	
Các khoản vay mượn ròng	5.587.150.000	8.965.585.096	34.115.011.224	5.247.563	88.485.173	104.240.694	(10.339.890.166)	(10.387.811.156)	(10.394.095.317)	(10.385.096.030)	
Vốn lưu động ròng	7.689.132.640	11.316.279.245	10.471.394.608	18.379.470.967	20.487.376.161	22.327.092.674	24.155.146.409	26.174.644.853	28.235.731.911	29.485.149.800	
Tăng giảm vốn lưu động (WCInv)	2.197.016.286	3.969.876.336	(844.884.637)	7.908.076.359	2.107.905.194	1.839.716.513	1.828.053.735	2.019.498.444	2.061.087.058	1.249.417.890	



Vốn cố định PPP	2009	2010	2011 F	2012F	2013F	2014F	2015F	2016F	2017F	2018F	2019F
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	10.352.685.374	10.629.528.286	10.682.675.927	10.736.089.307	82.556.460.184	82.969.242.485	83.384.088.697	83.801.009.141	84.220.014.187	84.641.114.258	
Hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	(6.283.651.298)	(6.537.852.936)	(7.107.188.594)	(7.704.945.838)	(13.715.745.967)	(19.729.449.278)	(25.749.983.786)	(31.773.281.348)	(37.798.458.446)	(42.171.788.397)	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.774.997.480	25.567.373.492	25.567.373.492	25.567.373.492	2.232.272.481	2.232.272.481	2.232.272.481	2.232.272.481	2.232.272.481	2.232.272.481	2.232.272.481
Vốn cố định trung bình sử dụng trong năm	4.069.034.076	4.091.675.350	4.396.733.797	3.031.143.469	68.840.714.217	63.239.793.207	57.634.104.911	52.027.727.793	46.421.555.741	42.469.325.861	
Hiệu suất sử dụng vốn cố định	8,15%	6,13%	7,46%	7,34%	7,21%	7,19%	7,25%	7,23%	7,23%	7,23%	
Tăng giảm vốn cố định trong năm (FCInv)	651.928.355	276.842.913	53.147.641	53.413.380	71.820.370.877	412.782.301	414.846.212	416.920.443	419.005.046	421.100.071	
Lợi nhuận sau thuế (Net Income)	1.690.958.390	1.068.852.372	2.772.098.797	3.013.453.755	8.219.268.340	10.694.632.769	14.242.330.638	17.799.079.569	21.365.623.348	23.451.704.526	18.800.169.563
Khấu hao tài sản cố định hàng năm		515.330.518	569.335.658	597.757.243	6.010.800.129	6.013.703.311	6.020.534.508	6.023.297.562	6.025.177.097	4.373.329.952	

Nguồn: Woori CBV tổng hợp và dự báo dựa trên BCTC kiểm toán 2009, 2010 và Đề án Xây dựng Nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP của PP.Pharco

FCFE (chưa chiết khấu) năm i = Lợi nhuận sau thuế năm i + Khấu hao TSCĐ năm i – Tăng giảm vốn Lưu động năm i – Tăng giảm vốn cố định năm i + Các khoản vay mượn ròng năm i (năm i là từ 2011 đến 2018)

FCFE (đã chiết khấu) năm i = FCFE chưa chiết khấu năm i / (1 + Re)ⁱ

Riêng:

FCFE (chưa chiết khấu) của năm 2019 đến cuối kỳ định giá = FCFE (năm 2018) x (1+6%)

FCFE (đã chiết khấu) năm 2019 đến cuối kỳ định giá = $\frac{\text{FCFE (chưa chiết khấu) của năm 2019 đến cuối kỳ định giá}}{(\text{Re} - 6\%) \times (1+\text{Re})^8}$



Bảng V.5.4: Giá trị hiện tại của doanh nghiệp và tỷ suất chiết khấu (Mức sinh lời theo yêu cầu của nhà đầu tư)

	2010	2011F	2012F	2013F	2014F	2015F	2016F	2017F	2018F	2019 đến cuối kỳ định giá
FCFE (chưa chiết khấu)		38.248.182.676	(4.345.031.178)	(59.609.722.428)	14.560.077.960	7.680.075.032	10.998.147.087	14.516.613.023	15.769.420.486	16.715.585.716
FCFE (Đã chiết khấu)	35.490.173.824	31.266.907.556	(2.903.629.142)	(32.564.129.536)	6.502.198.135	2.803.729.341	3.282.194.185	3.541.474.937	3.144.913.692	20.416.514.656
Mức sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư (Re)	22,33%	22,33%	22,33%	22,33%	22,33%	22,33%	22,33%	22,33%	22,33%	22,33%

Nguồn: Woori CBV tổng hợp và dự báo dựa trên BCTC kiểm toán 2009, 2010 và Đề án Xây dựng Nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP của PP.Pharco

Tính tỷ suất chiết khấu (Mức sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư) Re:	
Lãi suất phi rủi ro (Rf)	11,50%
Mức bù rủi ro thị trường VN(Rm-Rf)	12,30%
Hệ số Beta ngành Dược	0,88
Tỷ suất sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư (Re = Rf + Beta * (Rm – Rf))	22,33%

Nguồn: Woori CBV tổng hợp và dự báo dựa trên BCTC kiểm toán 2009, 2010 và Đề án Xây dựng Nhà máy Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP của PP.Pharco

Ta có Giá ước tính của PPP theo phương pháp FCFE:

(1) FCFE (Đã chiết khấu)	35.490.173.824
(2) Số cổ phiếu đang lưu hành	2.335.500
Giá ước tính {(3) = (1)/(2)}	15.195,96



Tổng kết giá tham chiếu của cổ phiếu CTCP Dược phẩm Phong Phú với ba phương pháp trên có tính đến trọng số:

Bảng V.5.5: Giá bình quân của PP.Pharco

Phương pháp	Giá trị 01 cổ phần (P_i)	Trọng số (W_i)	$P_i * W_i$
P/B	14.998	50%	7.499
FCFE	15.196	50%	7.598
Giá bình quân			15.097

Căn cứ vào kết quả tính toán trên, giá tham chiếu của PP.Pharco được dự kiến là **15.000 đồng/cổ phần**.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Quyết

t định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường Chứng khoán Việt Nam. Theo đó tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên Sở Giao dịch Chứng khoán nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phần của Công ty đại chúng.

7. Các loại thuế có liên quan

➤ Đối với Công ty:

Hiện nay, công ty đang phải nộp các loại thuế với mức thuế suất tương ứng sau:

Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng dược phẩm là 5%, dược liệu là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp: Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì suất thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty phải nộp là 25%.

➤ Đối với nhà đầu tư:

Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009; Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về Luật Thuế thu nhập cá nhân. Theo đó các hoạt động đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, thừa kế, quà tặng sẽ phải chịu thuế thu nhập theo quy định hiện hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM

PHONG PHÚ

Vì niềm tin của bạn



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn niêm yết:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

▪ **Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Số 14 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4) 39410246 Fax: (84 - 4) 39410248

Website: www.wooricbv.com

▪ **Chi nhánh Tp. HCM:**

Địa chỉ: 225 Bến Chương Dương, Phường Cô Giang, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 38211865 Fax: (84-8) 39204349

▪ **Chi nhánh Ninh Bình:**

Địa chỉ: Số 9 Phúc Trang, Phúc Thành, Tp. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: (84 - 30) 3899822 Fax: (84 - 30) 3899822

2. Tổ chức kiểm toán:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3820 5944 Fax: (84-8) 3820 5942



VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu;
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép kinh doanh chuyên ngành.
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết.
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo kiểm toán 2009, 2010
5. **Các phụ lục khác**



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM

PHONG PHÚ

Vì niềm tin của bạn



Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2011

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HĐQT
KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

HỒ VINH HIỂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN HĐQT
KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ THẢO HƯƠNG

TRẦN LỆ THU

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC NGHĨA